

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO



HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA PHIÊN BẢN 4.0

NGUYỄN QUỐC CHÍNH - PHẠM THỊ BÍCH
NGUYỄN THỊ THANH NHẬT
NGUYỄN TIẾN CÔNG - NGUYỄN THỊ LÊ NA



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO



**HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI
TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA
PHIÊN BẢN 4.0**

NGUYỄN QUỐC CHÍNH - PHẠM THỊ BÍCH
NGUYỄN THỊ THANH NHẬT
NGUYỄN TIẾN CÔNG - NGUYỄN THỊ LÊ NA



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	5
LỜI NÓI ĐẦU	6
PHẦN 1: KHÁI QUÁT VỀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	7
1.1. KHÁI NIỆM VÀ MÔ HÌNH BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	8
1.2. NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ	11
1.3. THANG ĐÁNH GIÁ	12
PHẦN 2: HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ	14
2.1. GIỚI THIỆU BỘ CÔNG CỤ MASTER PLAN ĐỂ TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ.....	15
2.2. NHỮNG LƯU Ý VỀ HỆ THỐNG MINH CHỨNG	18
2.3. MỘT SỐ YÊU CẦU CƠ BẢN KHI XÂY DỰNG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ.....	18
2.4. LÀM THẾ NÀO ĐỂ VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ TỐT	19
PHẦN 3: HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	22
TIÊU CHUẨN 1: CHUẨN ĐẦU RA	23
TIÊU CHUẨN 2: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	34
TIÊU CHUẨN 3: PHƯƠNG THỨC DẠY VÀ HỌC	48
TIÊU CHUẨN 4: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	60
TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN.....	77
TIÊU CHUẨN 6: CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	94

TIÊU CHUẨN 7: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ112

TIÊU CHUẨN 8: ĐẦU RA VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....133

**PHẦN 4: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG HỒ SƠ MINH CHỨNG
CỐT LÕI THEO CHECKLIST CỦA AUN-QA.....143**

 4.1. GIỚI THIỆU CHUNG.....144

 4.2. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG HỒ SƠ MINH CHỨNG
 CỐT LÕI THEO CHECKLIST CỦA AUN-QA.....146

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....159

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
1.	BĐCL	Bảo đảm chất lượng
2.	CBHT	Cán bộ hỗ trợ
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CTDH	Chương trình dạy học
5.	CTĐT	Chương trình đào tạo
6.	CSGD	Cơ sở giáo dục
7.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
8.	CSVC	Cơ sở vật chất
9.	FTE	Tương đương toàn thời gian (Full-time equivalent)
10.	GV	Giảng viên
11.	GDDH	Giáo dục đại học
12.	CĐR	Chuẩn đầu ra
13.	PDCA	Lập kế hoạch - Triển khai - Kiểm tra - Cải tiến (Plan - Do - Check - Act)
14.	MC	Minh chứng
15.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
16.	TĐG	Tự đánh giá

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu ***Hướng dẫn triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA Phiên bản 4.0*** do Trung tâm Khảo thí và Đánh giá Chất lượng Đào tạo, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổng hợp và biên soạn trên cơ sở Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA Phiên bản 4.0 của Mạng lưới các Trường Đại học ASEAN (AUN). Nội dung tài liệu được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn triển khai các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo AUN-QA tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và có tham khảo các tài liệu tập huấn viết báo cáo tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA (phiên bản 4.0) của Ông Johnson Ong Chee Bin, Chuyên gia AUN-QA.

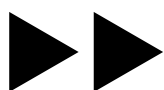
Tài liệu gồm 4 phần chính:

- **Phần 1. Khái quát về bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học:** khái niệm và các mô hình BDCL, các nguyên tắc triển khai TĐG.
- **Phần 2. Hướng dẫn triển khai tự đánh giá:** giới thiệu bộ công cụ master plan, các yêu cầu cơ bản khi xây dựng báo cáo tự đánh giá, cách thực hiện báo cáo tự đánh giá tốt.
- **Phần 3. Hướng dẫn tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí:** các yêu cầu; nội dung gợi ý, minh chứng gợi ý và hệ thống các bảng biểu thống kê tham khảo.
- **Phần 4. Hướng dẫn xây dựng hồ sơ minh chứng cốt lõi theo checklist của AUN-QA**

Hi vọng đây sẽ là tài liệu hữu ích cho các đơn vị trong việc triển khai công tác tự đánh giá cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA (phiên bản 4.0) nhằm phục vụ hiệu quả công tác đánh giá ngoài và cải tiến chất lượng liên tục.

Trung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng Đào tạo

KHÁI QUÁT VỀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC



PHẦN 01

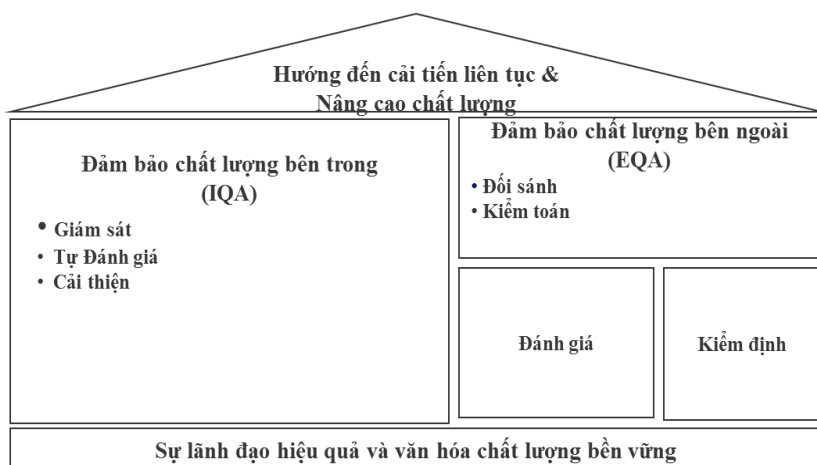
1.1. KHÁI NIỆM VÀ MÔ HÌNH BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Báo cáo khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của UNESCO đã đưa ra định nghĩa về bảo đảm chất lượng (BĐCL) trong giáo dục đại học (GDĐH) là “các quy trình quản lý và đánh giá một cách có hệ thống để giám sát hoạt động của các cơ sở GDĐH, BĐCL của đầu ra và cải tiến chất lượng” (UNESCO, 2003). Theo định nghĩa của tổ chức SEAMEO, BĐCL giáo dục là những quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, hành động, công cụ, quy trình và thủ tục mà thông qua sự hiện diện và sử dụng chúng có thể đảm bảo rằng sứ mạng và mục tiêu giáo dục đang được thực hiện, các chuẩn mực đang được duy trì và nâng cao.

Hệ thống BĐCL GDĐH bao gồm các nội dung:

- BĐCL bên trong: tổng thể các hệ thống, nguồn lực và thông tin được sử dụng để thiết lập, duy trì và cải tiến chất lượng cũng như các tiêu chuẩn liên quan đến hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Các cơ chế giám sát trong hệ thống BĐCL bên trong được vận hành nhằm duy trì và nâng cao chất lượng GDĐH;
- BĐCL bên ngoài: hoạt động do tổ chức bên ngoài cơ sở giáo dục (CSGD) triển khai. Tổ chức này thực hiện đánh giá hoạt động của CSGD/ CTĐT để xác định CSGD/ CTĐT có đáp ứng các tiêu chuẩn đã thống nhất hay xác định từ trước hay không.

Hệ thống BĐCL GDĐH được khái quát qua mô hình sau:



Hình 1. Hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học
(Johnson Ong Chee Bin, 2016)

Theo mô hình được trình bày tại Hình 1, BĐCL bên trong bao gồm hoạt động giám sát, TĐG và cải thiện chất lượng, trong khi đó các hình thức của BĐCL bên ngoài bao gồm việc thực hiện đối sánh, kiểm toán, đánh giá – kiểm định. Mặc dù BĐCL bên trong và BĐCL bên ngoài có khác nhau về hoạt động nhưng đều hướng đến mục tiêu chung, đó là cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng. Nền tảng để triển khai các hoạt động này là sự lãnh đạo hiệu quả và văn hóa chất lượng bền vững.

Phiên bản 4.0 của mô hình AUN-QA để đánh giá mức độ đáp ứng của CTĐT bao gồm 08 tiêu chuẩn sau (xem Hình 2):

1. Chuẩn đầu ra
2. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học
3. Phương thức dạy và học
4. Đánh giá kết quả học tập của người học
5. Đội ngũ giảng viên
6. Các dịch vụ hỗ trợ người học
7. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị
8. Đầu ra và kết quả đạt được



Hình 2. Mô hình đánh giá AUN-QA cấp chương trình, phiên bản 4.0

Mô hình bắt đầu với việc tìm hiểu nhu cầu của các bên liên quan bên trong và bên ngoài CTĐT. Những nhu cầu này được chuyển tải vào chuẩn đầu ra (CĐR) – cột ngoài cùng bên trái của Hình 2. CĐR tác động đến mọi hoạt động để chương trình đạt được các thành quả mong muốn.

Ở giữa mô hình có ba hàng (Hình 2). Hàng đầu tiên trình bày các vấn đề liên quan đến cấu trúc và nội dung CTDH (trình tự các môn học trong suốt chương trình), phương thức dạy và học được sử dụng và cách thức đánh giá kết quả học tập của người học.

Hàng thứ hai trình bày các nguồn lực cần thiết để triển khai chương trình, bao gồm: đội ngũ GV (sự thăng tiến, quản lý hiệu suất, quản lý nghiên cứu, v.v.); các dịch vụ hỗ trợ người học (đội ngũ hỗ trợ, thư viện, phòng y tế, môi trường xã hội, v.v.) và CSVC (lớp học, cơ sở hạ tầng thông tin, cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động giải trí, v.v.).

Hàng thứ ba liên quan đến đầu ra của chương trình, bao gồm chất lượng của người học tại thời điểm tốt nghiệp (sau đây

viết tắt là người học tốt nghiệp), thông tin việc làm, kết quả nghiên cứu, sự hài lòng của các bên liên quan, v.v.

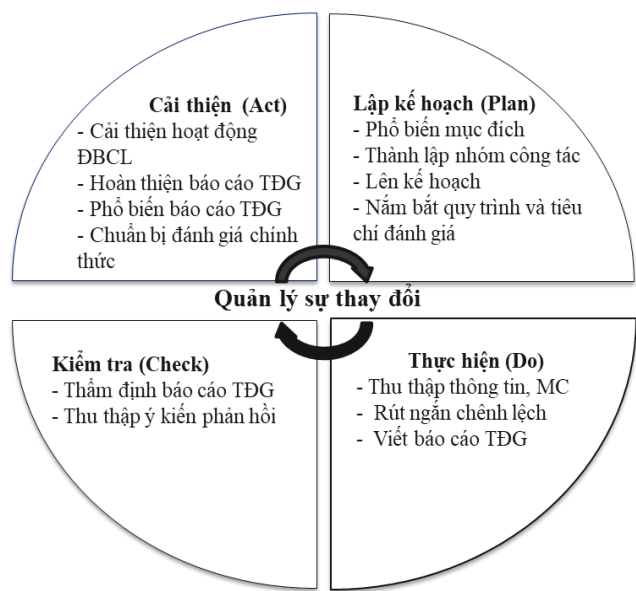
Cột ngoài cùng bên phải đề cập đến những thành quả của chương trình và việc đạt được CĐR.

1.2. NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ

Để triển khai hiệu quả công tác TĐG, CSGD cần lưu ý các nguyên tắc sau:

- Mục tiêu TĐG cần được xác định rõ, cụ thể hóa thành các chuỗi hoạt động mang tính hệ thống, có sự phân công thực hiện rõ ràng;
- Các hoạt động phải được thực hiện dựa trên nguyên tắc khách quan, trung thực, công khai, minh bạch, bao quát hoạt động của đơn vị;
- Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình TĐG phải dựa trên các MC (minh chứng) cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy;
- Đánh giá về các kết quả đạt được cần thể hiện:
 - Hiện trạng mức độ đạt được của các kết quả;
 - Xu hướng phát triển: kết quả thể hiện được mức độ cải tiến hoạt động của đơn vị hoặc cho thấy sự phát triển bền vững của các hoạt động;
 - Đối sánh kết quả: so sánh kết quả hoạt động của đơn vị với các đối tượng phù hợp, ví dụ như tổ chức cạnh tranh hoặc tổ chức tương tự đơn vị;
 - Việc tổ chức các hoạt động được triển khai bám sát và thể hiện được nguyên lý PDCA trong đánh giá chất lượng đào tạo, bao gồm: lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm tra - giám sát và cải tiến chất lượng. Các

hoạt động cụ thể của từng bước trong quy trình thực hiện TĐG được tóm tắt trong mô hình được trình bày ở hình 3 dưới đây:



Hình 3. Quy trình PDCA trong hoạt động tự đánh giá

1.3. THANG ĐÁNH GIÁ

Việc đánh giá từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn sử dụng thang đo 7 mức như sau:

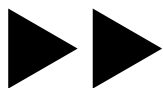
Điểm	Mô tả
1	Hoàn toàn không đáp ứng, cần cải thiện ngay Hoạt động ĐBCL được triển khai không đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn/ tiêu chí. Không có kế hoạch, tài liệu, MC hay kết quả có sẵn. Cần thực hiện ngay các hoạt động cải thiện.
2	Không đáp ứng và cần cải tiến Hoạt động ĐBCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/ tiêu chí mới được triển khai ở bước lập kế hoạch hoặc chưa đầy

	đủ, cần phải cải tiến nhiều. Có rất ít tài liệu, MC về hoạt động này. Thành quả của hoạt động BĐCL còn hạn chế.
3	Không đáp ứng nhưng chỉ cần cải tiến nhỏ Hoạt động BĐCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn/ tiêu chí đã được hoạch định và triển khai, tuy nhiên cần có những cải tiến nhỏ để có thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Có các văn bản liên quan đến hoạt động nhưng chưa có MC rõ ràng về việc áp dụng hiệu quả các văn bản đó. Thành quả của hoạt động BĐCL chưa nhiều hoặc chưa nhất quán.
4	Đáp ứng mong đợi Hoạt động BĐCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/ tiêu chí được triển khai đầy đủ và có đầy đủ MC về việc triển khai. Thành quả của hoạt động BĐCL nhất quán và phù hợp với mong đợi.
5	Đáp ứng tốt hơn mong đợi Hoạt động BĐCL được triển khai tốt hơn so với yêu cầu của tiêu chuẩn/ tiêu chí. MC cho thấy hoạt động được triển khai một cách hiệu quả. Hoạt động BĐCL đạt kết quả tốt và có xu hướng tiếp tục đi lên.
6	Hình mẫu về chất lượng Hoạt động BĐCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/ tiêu chí được coi là hình mẫu về chất lượng. MC cho thấy hoạt động này được triển khai hiệu quả. Hoạt động BĐCL đạt kết quả rất tốt và có xu hướng tiếp tục đi lên.
7	Xuất sắc (hàng đầu thế giới, đẳng cấp quốc tế) Hoạt động BĐCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/ tiêu chí được đánh giá xuất sắc hoặc đạt chuẩn quốc tế. MC cho thấy hoạt động này được triển khai một cách sáng tạo. Hoạt động BĐCL đạt kết quả xuất sắc và có xu hướng cải tiến vượt trội.

Các tiêu chí được đánh giá từ mức 1 đến mức 3 là chưa đạt yêu cầu, từ mức 4 đến mức 7 là đạt yêu cầu.

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ

PHẦN 02



2.1.

GIỚI THIỆU BỘ CÔNG CỤ MASTER PLAN ĐỂ TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ

Master plan là công cụ giúp định hướng, triển khai và quản lý quá trình TĐG một cách hệ thống, xuất phát từ việc xác định mục tiêu TĐG đến tìm kiếm các thông tin, MC phù hợp và phân tích hiện trạng về mức độ đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn, tiêu chí. Đây có thể coi là khung để xây dựng báo cáo TĐG và hồ sơ MC.

Bộ công cụ Master plan là khung kế hoạch tổng thể, hướng dẫn chi tiết cách triển khai thu thập thông tin TĐG cho các tiêu chí/ tiêu chuẩn, bao gồm các cột: câu hỏi chẩn đoán, MC cần có, MC hiện có, phân tích MC hiện có, trả lời câu hỏi chẩn đoán và kế hoạch cải tiến.

Bảng 1. Master plan và các hướng dẫn thực hiện cho từng nội dung

Tiêu chí	Câu hỏi chẩn đoán	MC cần có	MC hiện có	Mã MC	Phân tích MC hiện có	Trả lời câu hỏi chẩn đoán	Kế hoạch cải thiện
Tên tiêu chí	Mô tả các câu hỏi phù hợp với nội hàm tiêu chí	Nêu những MC cần có để đáp ứng yêu cầu nội hàm của tiêu chí	Nêu những MC hiện có tại đơn vị	Ghi mã các MC hiện có	Mô tả, phân tích thực trạng các MC hiện có	+ Đủ ý + Định tính + Định lượng + Ngắn gọn	Các hoạt động cần triển khai tiếp theo

Một số lưu ý khi thực hiện công cụ Master plan:

- Về hình thức trình bày:
 - Nên dùng định dạng file Excel;
 - 1 câu hỏi chẩn đoán/1 dòng.
- Về nội dung:
 - Tiếp cận tính PHÙ HỢP: Phân tích kỹ nội hàm của tiêu chí để xác định câu hỏi chẩn đoán phù hợp;
 - Tiếp cận LOGIC: trả lời câu hỏi chẩn đoán từ đó xác định các MC cần có;
 - Tiếp cận THỰC TẾ: Thu nhập MC hiện có, từ đó phân tích MC và trả lời câu hỏi.
- Lưu ý cách đặt câu hỏi chẩn đoán:

Câu hỏi “TẠI SAO?”

- Có thể đặt ra trong nội bộ đơn vị;
- Trong khi viết báo cáo TĐG nên chuyển thành câu hỏi: “Nhằm mục đích gì?”.

Câu hỏi “NHƯ THẾ NÀO?”

- Nên chia thành các ý nhỏ, trả lời các câu hỏi cụ thể: Ai, Cái gì, Ở đâu, Lúc nào, Bao nhiêu?

Cần có các câu hỏi:

- Sự đáp ứng, sự phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan;
- Quy trình thực hiện;
- Xu hướng, tác động, hiệu quả;
- Đối sánh (bên trong, bên ngoài).

Câu hỏi chẩn đoán cho từng tiêu chí nên được xây dựng theo các nguyên lý chung như sau:

Tính chất câu hỏi	Nội dung câu hỏi
Plan (Kế hoạch)	- Có kế hoạch, quy trình xây dựng kế hoạch không? - Sự tham gia của các bên liên quan trong xây dựng kế hoạch như thế nào? - Căn cứ nào để xây dựng kế hoạch?
Do (Triển khai)	- Việc triển khai kế hoạch được thực hiện như thế nào? - Kết quả, số liệu cụ thể, thể hiện quá trình triển khai như thế nào? Có bảng thống kê, so sánh với mục tiêu đã đề ra.
Check (Kiểm tra)	- Có hệ thống giám sát, đánh giá không? - Ai thực hiện? - Công cụ gì? (các chỉ số hoạt động, so sánh kết quả với mục tiêu đặt ra) - Kết quả? - Phân tích kết quả? - Xu hướng? - Chế độ báo cáo?
Act (Cải tiến)	- Các điều chỉnh được thực hiện như thế nào? Nếu chưa có thì mô tả CSGD đã có plan để điều chỉnh, thay đổi. - Việc điều chỉnh có dựa trên kết quả bước Check không?

2.2. NHỮNG LƯU Ý VỀ HỆ THỐNG MINH CHỨNG

Các loại MC:

- ☐ MC sơ cấp (gồm tài liệu, số liệu, sản phẩm,...):
 - Quy chế, quy định, quy trình;
 - Biên bản họp;
 - Đề cương học phần, bài thi;
 - Sản phẩm NCKH...

Các MC này nên được tổng hợp lại để tiện sử dụng: Đóng quyển các quy chế, quy định, quyển CTĐT kèm đề cương học phần...

- ☐ MC thứ cấp (MC đã xử lý từ MC sơ cấp):
 - Bảng số liệu thống kê;
 - Bảng tổng hợp, phân tích;
 - Sơ đồ, đồ thị.

Các MC này nên trình bày các nội dung chính và đặc thù trong phần viết chính, các phần khác đưa trong phần phụ lục.

- ☐ MC cần đầy đủ theo từng năm học và theo chu kỳ kiểm định;
- ☐ MC phù hợp với mô tả, kết luận trong báo cáo TĐG;
- ☐ Dạng MC: bản in, bản điện tử, sản phẩm cụ thể, hình ảnh, video clip,...

2.3. MỘT SỐ YÊU CẦU CƠ BẢN KHI XÂY DỰNG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

- Báo cáo TĐG được coi là nguồn thông tin quan trọng để CSGD cải tiến chất lượng.

- Báo cáo TĐG cần được mô tả tất cả các tiêu chí, được phân tích rõ ràng, cụ thể, cần tìm ra được những mâu thuẫn trong báo cáo.
- Các tiêu chuẩn/ tiêu chí trong báo cáo TĐG cần được viết theo một văn phong thống nhất.
- Báo cáo cần mô tả cụ thể các thông tin “cái gì”, “ở đâu”, “khi nào”, “ai thực hiện” và cơ chế, công cụ cần để đảm bảo chất lượng nhằm hoàn thành các tiêu chí.
- Tập trung vào các thông tin và dữ liệu (MC khách quan) liên quan trực tiếp tới nội hàm của từng tiêu chí. Xác minh tính chính xác của các MC, thông tin và dữ liệu.
- Tiến hành tham chiếu hoặc liên kết giữa các tiêu chí liên quan trong báo cáo TĐG.
- Nội dung mô tả và phân tích trong báo cáo TĐG: Mô tả và phân tích để trả lời theo thứ tự từng câu hỏi chẩn đoán (nhận định cô đọng nhất – kèm theo MC). Phần mô tả nội dung cần cung cấp các thông tin cụ thể đến việc triển khai hoạt động liên quan đến tiêu chí như thế nào, cố gắng tập trung mô tả được quy trình triển khai các hoạt động.
- Kế hoạch cải tiến trong phần mô tả cần: cụ thể, rõ lộ trình, phân công trách nhiệm rõ ràng và nguồn lực phù hợp.
- Cung cấp danh mục các từ viết tắt và thuật ngữ sử dụng trong báo cáo.

2.4. LÀM THẾ NÀO ĐỂ VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ TỐT

- Xác định các tiêu chí định tính/ định lượng hoặc những yêu cầu thường có của các tiêu chí bao gồm: quá trình, nguồn lực, kết quả,...

- Sử dụng phương thức 5W, 1H để viết phần mô tả các tiêu chí.

☐ Đối với các nội dung **định tính**:

Dạng câu hỏi	Nội dung
Cái gì	- Nội dung đó là gì? - Tập trung mô tả về thực trạng hiện tại của đơn vị.
Như thế nào Ai Khi nào Ở đâu	- Thực hiện như thế nào? - Liên quan thế nào với tiêu chí khác? - Ai là người tham gia? - Khi nào thì thực hiện? - Thực hiện ở đâu? - Tập trung mô tả theo hướng tiếp cận về quá trình triển khai tại đơn vị.
Tại sao	- Tại sao lại thực hiện như vậy? - Tập trung mô tả về kế hoạch cải tiến chất lượng.

☐ Đối với các nội dung **định lượng**:

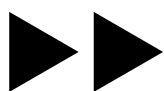
Dạng câu hỏi	Nội dung
Cái gì	- Kết quả hiện tại hoặc hiệu quả hoạt động của đơn vị là gì? - Các chỉ số/ chỉ tiêu là gì? - Xu hướng của các chỉ số là gì? - Tập trung mô tả kết quả đạt được hoặc hiệu quả hoạt động.
Như thế nào	- Các hoạt động được thực hiện hiệu quả như thế nào khi so sánh với các năm trước đó? - Các hoạt động được thực hiện hiệu quả như thế nào khi so sánh với các CSGD uy tín khác hoặc các đối tác khác? - Tập trung so sánh kết quả đạt được.
Tại sao	- Tại sao kết quả thực hiện có xu hướng giảm hoặc không đạt theo mong đợi? - Tập trung mô tả về kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động.

□ Đối với các nội dung vừa **định tính** và **định lượng**:

Dạng câu hỏi	Định tính	Định lượng
Cái gì	- Nội dung đó là gì? - Tập trung mô tả thực trạng hiện tại của đơn vị.	- Kết quả hiện tại hoặc hiệu quả hoạt động của đơn vị là gì? - Các chỉ số/ chỉ tiêu là gì? - Xu hướng của các chỉ số là gì? - Tập trung mô tả kết quả đạt được hoặc hiệu quả hoạt động.
Như thế nào	- Thực hiện theo hướng tiếp cận như thế nào? - Liên quan thế nào với tiêu chí khác?	- Thực hiện như thế nào? - Liên quan thế nào với tiêu chí khác?
Ai Khi nào Ở đâu	- Ai là người tham gia? - Khi nào thì thực hiện? - Thực hiện ở đâu? - Tập trung mô tả về quá trình triển khai tại đơn vị.	- Ai là người tham gia? - Khi nào thì thực hiện? - Thực hiện ở đâu? - Tập trung mô tả theo hướng tiếp cận về quá trình triển khai tại đơn vị.
Tại sao	- Tại sao lại có những tồn tại? - Tập trung mô tả về kế hoạch ci tiến.	- Tại sao kết quả thực hiện có xu hướng giảm hoặc không đạt theo mong đợi? - Tập trung mô tả về kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động.

HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

PHẦN 03



TIÊU CHUẨN 1

CHUẨN ĐẦU RA

Chuẩn đầu ra (CĐR) là khởi điểm của quy trình thiết kế CTĐT. Trong quá trình xây dựng CĐR, CSGD cần lưu ý yêu cầu của các bên liên quan (bên trong và bên ngoài). Các bên liên quan bên trong CSGD gồm có cán bộ lãnh đạo, quản lý, GV, người học,... Các bên liên quan bên ngoài CSGD gồm có chính phủ, nhà tuyển dụng, cựu người học,...

Bên cạnh đó, trong quá trình vận hành CTĐT, cần đảm bảo CĐR của chương trình phải tương thích với tầm nhìn, sứ mạng của CSGD, khoa/ bộ môn; gắn kết với mục tiêu đào tạo và CĐR của học phần, bài học.

Các nội dung và MC gợi ý cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí 1.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng căn cứ trên một hệ thống phân loại mục tiêu giáo dục, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan.

Criterion 1.1. The programme to show that the expected learning outcomes are appropriately formulated in accordance with an established learning taxonomy, are aligned to the vision and mission of the university, and are known to all stakeholders.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, căn cứ trên một hệ thống phân loại mục tiêu giáo dục.	- Trình bày quy định/ quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT (trong đó thể hiện việc định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR). - Trình bày mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT (ghi chú năm ban hành). Thông tin mô tả cần cho thấy các phát biểu trong CĐR của CTĐT được xây dựng rõ ràng, có thể đo lường được. - Trình bày chi tiết hệ thống phân loại mục tiêu giáo dục mà chương trình áp dụng để xây dựng CĐR, ví dụ: thang đo Bloom.	- Quyết định ban hành CTĐT/ CĐR của CTĐT¹. - Quy định/ quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT. - Bản mô tả/ đề cương CTĐT. - Các MC, bảng biểu để cho thấy rõ mỗi phát biểu CĐR của CTĐT gắn với mức độ cụ thể trong hệ thống phân loại mục tiêu giáo dục.
- CĐR của CTĐT phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	- Phân tích, so sánh giữa các phát biểu trong CĐR của CTĐT với tầm nhìn, sứ mạng của CSGD để làm rõ sự tương	- Văn bản chính thức phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng của CSGD.

¹ Đầy đủ các phiên bản CTĐT/ CĐR CTĐT có hiệu lực trong giai đoạn đánh giá

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	thích. Có thể lập Bảng đối sánh giữa CĐR của CTĐT với tầm nhìn, sứ mạng của CSGD/ đơn vị đào tạo để làm rõ sự tương thích; nên in đậm các từ khóa.	
- CĐR của CTĐT được phổ biến đến tất cả các bên liên quan.	- Trình bày tất cả các hình thức phổ biến, quảng bá CĐR của CTĐT đến các bên liên quan (trong và ngoài CSGD). Có thể lập bảng thống kê tất cả các bên liên quan và hình thức phổ biến CĐR đến các đối tượng này. - Phân tích hiệu quả của các hoạt động phổ biến CĐR CTĐT đến các bên liên quan (ví dụ: khảo sát mức độ hiểu biết về CĐR CTĐT của các bên liên quan).	- Trang thông tin điện tử của CSGD. - Bản mô tả CTĐT. - Tài liệu quảng bá, các bản tin, video quảng bá về CĐR của CTĐT đến các bên liên quan. - Kết quả khảo sát mức độ hiểu biết về CĐR CTĐT của các bên liên quan.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Criterion 1.2. The programme to show that the expected learning outcomes for all courses are appropriately formulated and are aligned to the expected learning outcomes of the programme.

Phân tích yêu cầu	Nội dung mô tả gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CĐR của tất cả các học phần được xác định rõ ràng.	- Mô tả ngắn gọn về Quy định/ quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của học phần, bài học. - Mô tả cho thấy việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của học phần được thực hiện định kỳ, áp dụng cho tất cả các học phần trong CTĐT và theo đúng quy định/ quy trình của CSGD. - Trình bày cho thấy các phát biểu trong CĐR của học phần được xây dựng rõ ràng, có thể đo lường được.	- Hồ sơ đề cương chi tiết tất cả các học phần. - Quy định/ quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của học phần, bài học. - Các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng CĐR của học phần, bài học.

Phân tích yêu cầu	Nội dung mô tả gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CĐR của tất cả các học phần được xây dựng phù hợp và tương thích với CĐR của CTĐT.	- Trình bày/ liên hệ đến bảng ma trận thể hiện mức độ đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT (cần cho thấy mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR CTĐT là phù hợp – về số lượng và về sự phát triển năng lực của người học). - Mô tả/ phân tích sự tương thích giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT và CĐR bài học với CĐR học phần. Có thể trích dẫn một số ví dụ cụ thể từ đề cương chi tiết của các học phần.	- Bản mô tả/ đề cương CTĐT. - Đề cương chi tiết của tất cả các học phần. - Ma trận CĐR của CTĐT – học phần.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bao gồm các phần tổng quát (liên quan đến kỹ năng giao tiếp trực tiếp hay qua văn bản, giải quyết vấn đề, sử dụng công nghệ thông tin, làm việc nhóm,...) và phần chuyên ngành (liên quan đến kiến thức và kỹ năng của ngành đào tạo).

Criterion 1.3. The programme to show that the expected learning outcomes consist of both generic outcomes (related to written and oral communication, problem-solving, information technology, teambuilding skills, etc) and subject specific outcomes (related to knowledge and skills of the study discipline).

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CĐR của CTĐT bao gồm các phần tổng quát và phần chuyên ngành.	- Mô tả cấu trúc CĐR của CTĐT bao gồm nhóm CĐR tổng quát và nhóm chuyên ngành. Có thể trình bày Bảng phân loại nhóm CĐR CTĐT theo phần tổng quát và phần chuyên ngành. - Phân tích mối liên hệ giữa các khối kiến thức, kỹ năng của CTĐT với CĐR thông qua bảng ma trận kiến thức, kỹ năng và CĐR. - Trình bày mức độ đáp ứng của CĐR CTĐT với khung trình độ quốc gia (VQF).	- Quyết định ban hành CTĐT/ CĐR CTĐT. - Bản mô tả/ đề cương CTĐT.

Tiêu chí 1.4. Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài, được thu thập và chuyển tải vào chuẩn đầu ra

Criterion 1.4. The programme to show that the requirements of the stakeholders, especially the external stakeholders, are gathered, and that these are reflected in the expected learning outcomes.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài, được định kỳ thu thập một cách có hệ thống.	- Mô tả khái quát hệ thống thu thập ý kiến và góp ý từ các bên liên quan của CSGD về CĐR của chương trình: - o Mô tả các quy định/ quy trình của CSGD về việc thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt là trong hoạt động rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT (làm rõ vai trò của các đơn vị/ cá nhân trong công tác rà soát, điều chỉnh CĐR CTĐT). - o Lập bảng thống kê hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR của	- Hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động khảo sát nhu cầu/ yêu cầu của các bên liên quan. - Văn bản quy định của CSGD về hoạt động rà soát, điều chỉnh CĐR. - Quy trình xây dựng và cải tiến CĐR. - Biên bản họp/ bản góp ý của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động. - Các báo kết quả khảo sát ý kiến

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	CTĐT mà khoa/ CSGD đã thực hiện trong giai đoạn đánh giá. - Phân tích làm rõ hoạt động thu thập ý kiến phản hồi được triển khai một cách có hệ thống, định kỳ, theo đúng quy định; phương pháp và hình thức lấy ý kiến đa dạng, công cụ sử dụng có độ tin cậy cao; đối sánh được ý kiến của các bên liên quan.	các bên liên quan. - Các kết quả báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh. - Các biên bản họp và CSDL và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CĐR của CTĐT.
- Yêu cầu của các bên liên quan được chuyển tải vào CĐR.	- Lập bảng thống kê những điều chỉnh về CĐR đã triển khai dựa trên yêu cầu/ góp ý của các bên liên quan (nêu rõ các yêu cầu/ góp ý và các bên liên quan cụ thể) hoặc lập bảng mapping giữa CĐR với yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là yêu cầu của thị trường lao động	- Bản mô tả/ đề cương CTĐT và đề cương chi tiết học phần (tất cả các phiên bản trong giai đoạn đánh giá) - Các biên bản họp, CSDL và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CĐR của CTĐT

Bảng biểu gợi ý:

Bảng 1.4.1. Lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR

Đối tượng	Hình thức lấy ý kiến	Đơn vị phụ trách	Chu kỳ
<i>Cựu người học</i>	<i>Khảo sát</i>	<i>Phòng BDCL</i>	<i>2 năm/lần</i>
	<i>Phỏng vấn sâu (ngày hội cựu người học và nhà tuyển dụng)</i>		
...			

Bảng 1.4.2. Thống kê những điều chỉnh CĐR của CTĐT trong giai đoạn đánh giá

CĐR ²		Trình bày về các nội dung điều chỉnh giữa 2 phiên bản CĐR	Cơ sở cho việc điều chỉnh ³
CĐR phiên bản 1	CĐR phiên bản 2		
<i>Phát biểu CĐR 1</i>	<i>Phát biểu CĐR 1</i>		
<i>Phát biểu CĐR 2</i>	<i>Phát biểu CĐR 2</i>		
...	...		

² Bồi đắp những nội dung có thay đổi giữa các phiên bản CĐR ở mỗi dòng và cột

³ Trình bày lý do, cơ sở cho việc điều chỉnh mỗi phát biểu CĐR (nếu có), ví dụ: đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng trong buổi họp, kết quả khảo sát cựu người học, đáp ứng yêu cầu của nhà nước,...).

Bảng 1.4.3. Mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT với yêu cầu của các bên liên quan

CĐR	Yêu cầu của các bên liên quan					
	Lãnh đạo	GV	Người học	Cựu người học	Nhà tuyển dụng	Chính phủ (VQF)
<i>CĐR 1</i>	<i>Nắm vững kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực...</i>					
<i>CĐR 2</i>					<i>Có khả năng viết tài liệu, báo cáo bằng tiếng Anh</i>	
...						

Tiêu chí 1.5. Chương trình đào tạo thể hiện người học đạt được chuẩn đầu ra tại thời điểm tốt nghiệp

Criterion 1.5. The programme to show that the expected learning outcomes are achieved by the students by the time they graduate.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD định kỳ thực hiện đo lường mức độ đáp ứng CĐR của người học.	- Mô tả khái quát các phương thức (trực tiếp, gián tiếp) chương trình triển khai để theo dõi và đo lường mức độ người học đạt được CĐR.	- Hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động thiết kế, triển khai và đo lường mức độ đáp ứng CĐR của người học tại thời điểm tốt nghiệp (đo lường trực tiếp, gián tiếp) - Chuỗi MC thể hiện tính tương thích giữa các yếu tố gồm CĐR, phương thức dạy và học, phương thức đánh giá kết quả học tập của người học (đề cương học phần, đề thi, thang điểm, tiêu chí đánh giá, đáp án...)
- CTĐT thể hiện người học đạt được CĐR tại thời điểm tốt nghiệp.	- Thống kê các kết quả đo lường mức độ người học đạt được CĐR CTĐT tương ứng với các phương thức đo (tham khảo bảng 1.5 trích	- CSDL về đo lường mức độ đáp ứng CĐR của người học - Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động đo lường mức độ đáp

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	từ tài liệu hướng dẫn của AUN).	ứng CĐR của người học. - MC hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của người học tốt nghiệp về mức độ đạt được CĐR tại thời điểm tốt nghiệp (đo lường gián tiếp, tuy nhiên kết quả đo lường gián tiếp không có độ giá trị cao).

Bảng biểu gợi ý:

Bảng 1.5. Mức độ đạt được CĐR tại thời điểm người học tốt nghiệp

Chuẩn đầu ra (PLO)	Mức đạt được chuẩn đầu ra			
	25%	50%	75%	100%
PLO1				
PLO2				
PLO3				
....				

TIÊU CHUẨN 2

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Chương trình dạy học (CTDH) là chuỗi các hoạt động giảng dạy, học tập được sắp xếp hợp lý nhằm giúp người học đạt được CĐR của CTĐT. CTDH cần được thiết kế đảm bảo tính thống nhất kiến tạo (Constructive Alignment) giữa CĐR của CTĐT, phương thức dạy và học và phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Các nội dung và MC gợi ý cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn 2:

Tiêu chí 2.1. Các bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương tất cả các học phần đầy đủ thông tin, cập nhật, được công bố công khai và tất cả các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Criterion 2.1. The specifications of the programme and all its courses are shown to be comprehensive, up-to-date, and made available and communicated to all stakeholders.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Bản mô tả CTĐT và đề cương của tất cả các học phần đầy đủ thông tin.	- Trình bày các hình thức mô tả CTĐT và các thông tin được cung cấp trong bản mô tả CTĐT. Lưu ý: CSGD xây dựng bản mô tả CTĐT phù hợp với bối cảnh và đặc thù ngành, tuy nhiên thông tin cần	- Các bản mô tả CTĐT (tất cả các phiên bản trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá) - Bộ đề cương chi tiết tất cả các học phần (tất cả các phiên bản trong

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	đáp ứng các yêu cầu gồm: ○ Đơn vị cấp bằng. ○ Tên gọi của văn bằng. ○ Tên CTĐT. ○ Mục tiêu, CĐR của chương trình. ○ Tiêu chí tuyển sinh. ○ CTĐT: cấu trúc CTDH, tóm tắt nội dung các môn học, số tín chỉ, ma trận CĐR/ học phần,... ○ Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT. - Trình bày khoa/ CSGD có ban hành mẫu đề cương học phần áp dụng chung trong toàn khoa/ CSGD (nếu có). Liệt kê các thông tin được cung cấp trong đề cương học phần. Lưu ý: đề cương học phần cần đề cập đến các thông tin sau: ○ Tên học phần. ○ Các yêu cầu của học phần như điều kiện để được đăng ký học... ○ CĐR của học phần.	vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá)

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	○ Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học để đảm bảo đạt CDR. ○ Mô tả học phần, kế hoạch giảng dạy. ○ Thông tin chi tiết về phương pháp kiểm tra, đánh giá người học. ○ Thời gian ban hành hay điều chỉnh đề cương học phần.	
- Các bản mô tả CTĐT và đề cương tất cả các học phần được định kỳ rà soát và cập nhật.	- Trình bày quy định/ quy trình của CSGD về việc định kỳ rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT; đề cương chi tiết học phần. - Mô tả các hoạt động rà soát và cập nhật bản mô tả CTĐT; trình bày các phiên bản mô tả CTĐT đã được ban hành trong giai đoạn đánh giá; làm rõ những nội dung đã được điều chỉnh giữa các phiên bản và cơ sở của những điều chỉnh này. - Mô tả các hoạt động rà soát và cập nhật thông tin trong đề cương học phần (quy trình, đơn vị/ cá nhân phụ trách, chu kỳ,...); thống kê các điều chỉnh/ cập nhật	- Văn bản quy định/ quy trình/ hướng dẫn của CSGD về hoạt động rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT; đề cương chi tiết học phần. - Các báo cáo kết quả phản hồi của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần; các biên bản họp rà soát của khoa/ CSGD. - Bảng thống kê các điều chỉnh về bản mô tả CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá; cơ sở của những điều chỉnh này.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	trong đề cương học phần của CTĐT đã triển khai trong giai đoạn đánh giá.	- Đề cương chi tiết (phiên bản cũ & hiện hành) của một số học phần; làm rõ những điểm đã cập nhật ở phiên bản hiện hành.
- Các bản mô tả CTĐT và đề cương tất cả các học phần được công bố công khai và tất cả các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	- Mô tả và phân tích để cho thấy tính đa dạng về các hình thức phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương tất cả các học phần cho người học, GV và đối tượng bên ngoài (bao gồm cả bản cứng và bản mềm, công bố thông qua trang thông tin điện tử, brochure, sổ tay sinh viên, gặp mặt người học, họp lớp,...). Có thể lập bảng thống kê các phương thức phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương học phần. - Phân tích mức độ hài lòng của các bên liên quan về thông tin cung cấp trong bản mô tả CTĐT/ đề cương chi tiết học phần và tính thuận tiện trong việc truy cập nguồn thông tin này (kết quả khảo sát). Kết quả khảo sát nên được trình diễn bằng đồ thị để thể hiện rõ xu hướng.	- MC các phương thức phổ biến bản mô tả CTĐT/ đề cương học phần (trang thông tin điện tử...). - Các báo cáo kết quả phản hồi của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

Bảng biểu gợi ý:

Bảng 2.1. Hình thức phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương học phần

Tài liệu	Đối tượng	Hình thức phổ biến	Thời gian/ Chu kỳ
<i>Bản mô tả CTĐT</i>	<i>Người học</i>	- Buổi sinh hoạt đầu khóa - Trang thông tin điện tử (CSGD, Khoa) - Sổ tay sinh viên	- Đầu năm học - Online - Bản cứng, cung cấp đầu khóa
	<i>Nhà tuyển dụng</i>	- Trang thông tin điện tử - Brochure - Thông qua các đợt gửi người học đi thực tập	- Online - Mỗi đợt cập nhật - Hàng năm
<i>Đề cương học phần</i>	<i>Người học</i>	- Buổi giới thiệu đầu mỗi khóa học - Trang thông tin điện tử	- Mỗi học kỳ - Online

Tiêu chí 2.2. Chương trình dạy học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra.

Criterion 2.2. The design of the curriculum is shown to be constructively aligned with achieving the expected learning outcomes.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR.	- Trình bày tóm tắt quy trình thiết kế và phát triển CTĐT (nên trình diễn bằng sơ đồ). Phân tích làm rõ CĐR là khởi điểm của quá trình xây dựng CTĐT.	- Quyết định ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. - Bản mô tả CTĐT. - Bộ đề cương chi tiết tất cả các học phần. - Các biên bản họp rà soát CTĐT.
- Các phương thức dạy và học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập của người học được áp dụng trong chương trình tương thích với CĐR.	- Trình bày các quy định, quy trình, hướng dẫn của CSGD để GV có thể lựa chọn các phương thức dạy và học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với CĐR của CTĐT và học phần.	- Các quy định, quy trình, hướng dẫn của CSGD để GV có thể lựa chọn các phương thức dạy và học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với CĐR của học phần.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	- Phân tích cho thấy CTDH được thiết kế tương thích với CĐR: cấu trúc CTDH, chuỗi các học phần, CĐR của bài học, học phần được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT; các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá của từng học phần được thiết kế tương thích với CĐR học phần và CĐR của CTĐT được phân nhiệm; ví dụ minh họa. - Phân tích cho thấy CTĐT có khối lượng học tập phù hợp.	- Bản mô tả CTĐT. - Bộ đề cương chi tiết tất cả các học phần - Chuỗi MC thể hiện tính tương thích giữa các yếu tố gồm CĐR, phương thức dạy và học, phương thức đánh giá kết quả học tập của người học: Đề cương học phần, đề thi, thang điểm, tiêu chí đánh giá, đáp án,...

Tiêu chí 2.3. Thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là các đối tượng bên ngoài, được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

Criterion 2.3. The design of the curriculum is shown to include feedback from stakeholders, especially external stakeholders.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi và góp ý từ các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH.	- Mô tả khái quát hệ thống thu thập ý kiến phản hồi và góp ý từ các bên liên quan của CSGD: - o Lập bảng thống kê các bên liên quan mà chương trình khảo sát/ tham khảo ý kiến/ quy định để xây dựng/ cải tiến CTĐT, cách thức khảo sát, chu kỳ khảo sát, đơn vị phụ trách... - o Thống kê các văn bản quy định về quy trình thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan; các văn bản quy định/ hướng dẫn, công cụ và phương pháp thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan.	- Các phiên bản CTDH đã ban hành trong giai đoạn đánh giá. - Văn bản giao nhiệm vụ/ quy trình thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH. - Bản giới thiệu tóm tắt hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH; thống kê kết quả khảo sát của từng đối tượng trong giai đoạn đánh giá (nên trình bày sơ đồ hình cột để thể hiện xu hướng); MC hoạt động khảo sát (bao quát đủ vòng PDCA: phiếu khảo sát, kế

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	Lưu ý: việc phân tích cần làm rõ hoạt động thu thập ý kiến phản hồi được triển khai một cách có hệ thống, phương pháp và hình thức lấy ý kiến đa dạng, công cụ sử dụng có độ tin cậy cao, đối sánh được ý kiến của các bên liên quan. - Mô tả việc sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là các đối tượng bên ngoài, làm căn cứ để thiết kế CTDH.	hoạch, báo cáo kết quả khảo sát,...). - Tóm tắt các biên bản họp có đề cập đến việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan để thiết kế CTDH.
- Thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là các đối tượng bên ngoài, được sử dụng làm căn cứ để phát triển CTDH.	- Lập bảng thống kê những điều chỉnh về CTDH đã triển khai dựa trên yêu cầu/ góp ý của các bên liên quan (nêu rõ các yêu cầu/ góp ý và các bên liên quan cụ thể).	- Các văn bản/ tài liệu về điều chỉnh/ thẩm định kèm theo các phiên bản cũ và hiện hành của CTĐT trong giai đoạn đánh giá. - Tóm tắt các biên bản họp có đề cập đến việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan để điều chỉnh CTDH. - Bảng đối sánh CTDH hiện hành với các phiên bản trước đó; làm rõ những nội dung cập nhật và cơ sở của những điều chỉnh này.

Tiêu chí 2.4. Mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng.

Criterion 2.4. The contribution made by each course in achieving the expected learning outcomes is shown to be clear.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR được xác định rõ ràng.	- Mô tả và phân tích mối liên hệ giữa học phần và CĐR của CTĐT thông qua bảng ma trận CĐR – học phần (bảng ma trận cần thể hiện mức độ đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt CĐR CTĐT). - Mô tả quá trình, cơ sở để CSGD xây dựng ma trận CĐR – học phần và xác định mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR; sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng ma trận.	- Bản mô tả CTĐT. - Hồ sơ đề cương chi tiết tất cả các học phần. - Ma trận CĐR – học phần. - Hồ sơ rà soát, điều chỉnh CTĐT.

Tiêu chí 2.5. Chương trình dạy học có cấu trúc logic, trình tự hợp lý (các học phần được sắp xếp từ kiến thức cơ bản đến cơ sở và chuyên ngành) và có tính tích hợp.

Criterion 2.5. The curriculum to show that all its courses are logically structured, properly sequenced (progression from basic to intermediate to specialised courses), and are integrated.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CTDH có cấu trúc logic, trình tự hợp lý (các học phần được sắp xếp từ kiến thức cơ bản đến cơ sở và chuyên ngành) và có tính tích hợp.	- Mô tả cấu trúc và trình tự CTDH kèm theo sơ đồ đào tạo (thể hiện cụ thể số tín chỉ từng học phần, từng học kỳ). Phân tích làm rõ: - o Tính hợp lý về tỷ trọng giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung và chuyên ngành. - o Tính hợp lý về trình tự các học phần/ chuỗi học phần để giúp người học phát triển kiến thức, kỹ năng đáp ứng CĐR của CTĐT. - o Mối liên hệ logic giữa các môn đại cương, cơ sở và chuyên ngành, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở	- Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần. - Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH. - Danh mục học phần bắt buộc và tự chọn trong chương trình. - Các báo cáo về kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh. - Các MC về việc sử dụng thông tin đối sánh để cải

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	thành một khối thống nhất. ○ Tính tích hợp của CTDH thể hiện trong tích hợp nội bộ học phần, tích hợp đa môn, tích hợp liên môn, tích hợp xuyên môn,... - Mô tả hoạt động đối sánh với các chương trình trong và ngoài nước. Làm rõ việc sử dụng các kết quả đối sánh để cải tiến CTDH như thế nào. Phân tích số liệu đối sánh để cho thấy tính hợp lý trong cấu trúc của CTDH (có thể tích hợp luôn với phần trình bày cấu trúc CTDH ở trên).	tiến CTDH (ví dụ: biên bản họp...).

Tiêu chí 2.6. Chương trình dạy học cho phép người học lựa chọn chuyên ngành chính và/hoặc các chuyên ngành phụ.

Criterion 2.6. The curriculum to have option(s) for students to pursue major and/or minor specialisations.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CTDH cho phép người học lựa chọn chuyên ngành chính và/hoặc các chuyên ngành phụ.	- Mô tả CTĐT bao gồm các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, NCKH, các thành phần chính yếu và bổ trợ. - Mô tả các hướng đào tạo người học được lựa chọn khi theo học chương trình; các yêu cầu người học cần đáp ứng để có thể theo học chuyên ngành chính và/hoặc các chuyên ngành phụ. - Trình bày cơ sở để Khoa thiết kế các hướng đào tạo cho người học lựa chọn (nhu cầu thị trường, yêu cầu của người học,...).	- Bản mô tả CTĐT. - Các văn bản của CSGD cho phép người học lựa chọn chuyên ngành chính và/hoặc các chuyên ngành phụ. - Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CTDH.

Tiêu chí 2.7. Chương trình dạy học được rà soát định kỳ theo quy trình để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Criterion 2.7. The programme to show that its curriculum is reviewed periodically following an established procedure and that it remains up-to-date and relevant to industry.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa xây dựng và ban hành quy định về rà soát CTDH.	- Mô tả hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH của CSGD (quy trình, đơn vị phụ trách, chu kỳ, phương thức, các đối tượng được lấy ý kiến...), có thể liên hệ với phần trình bày quy trình thiết kế và phát triển CTDH ở tiêu chí 2.1).	- Các văn bản quy định về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH.
- CTDH được rà soát định kỳ theo quy trình để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.	- Trình bày các phiên bản CTDH được ban hành trong giai đoạn đánh giá. - Tóm tắt những thay đổi của CTDH trong giai đoạn 5 năm gần đây và cơ sở của những thay đổi này (đặc biệt cần làm rõ mức độ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động).	- Các phiên bản CTDH đã ban hành trong giai đoạn đánh giá. - Các biên bản họp và tài liệu về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. - Kết quả khảo sát các bên liên quan về CTDH và MC về việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến CTDH.

TIÊU CHUẨN 3

PHƯƠNG THỨC DẠY VÀ HỌC

Để đảm bảo việc đạt được CĐR, trong quá trình thiết kế, vận hành chương trình, CSGD cần chú trọng đến sự tương thích giữa phương thức dạy – học, kiểm tra đánh giá người học với CĐR và có các hoạt động định kỳ đánh giá/ rà soát để cải tiến chất lượng của ba mảng này.

Ba yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai phương thức dạy và học gồm:

✓ **Mức độ sẵn sàng về mặt văn hóa:** CSGD cần xây dựng triết lý giáo dục giúp GV và người học hiểu rõ các giá trị, mục tiêu giáo dục mà nhà trường theo đuổi, hiểu rõ vai trò của GV cũng như các phương pháp dạy và học cần áp dụng. Bên cạnh đó, CSGD cần có hệ thống thi đua khen thưởng để khuyến khích GV nâng cao chất lượng dạy và học.

✓ **Mức độ sẵn sàng về con người:** GV và người học cần được chuẩn bị đầy đủ để triển khai phương thức dạy và học mong muốn. CSGD cần hướng đến phát huy tối đa sự tham gia của người học trong giờ học; triển khai hoạt động kiểm tra đánh giá phù hợp và phản hồi kịp thời đến người học để cải tiến chất lượng học tập; triển khai các hoạt động tư vấn, tập huấn về phương pháp sư phạm cho GV cũng như phương pháp tư duy, kỹ năng học tập suốt đời cho người học; thực hiện các nghiên cứu để phát triển phương thức dạy và học mới.

✓ Mức độ sẵn sàng về mặt hệ thống: CSGD cần đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và công nghệ để triển khai phương thức dạy và học mong muốn. Nguyên tắc “thống nhất kiến tạo” cần được áp dụng nhất quán để đảm bảo phương thức dạy và học hỗ trợ việc đạt được CĐR. Ngoài ra, CSGD cần xây dựng hệ thống giám sát/ đánh giá hiệu quả của hoạt động dạy – học để cải tiến chất lượng.

Các nội dung và MC gợi ý cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí 3.1. Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan và được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học.

Criterion 3.1. The educational philosophy is shown to be articulated and communicated to all stakeholders. It is also shown to be reflected in the teaching and learning activities.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng.	- Trình bày triết lý giáo dục của CSGD. - Giải thích ý nghĩa của các từ khoá trong triết lý giáo dục để cho thấy triết lý giáo dục dễ hiểu, có thể vận dụng đối với các bên liên quan.	- Văn bản chính thức của CSGD có đề cập đến triết lý giáo dục - Các MC về sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng triết lý giáo dục.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Triết lý giáo dục được phổ biến đến tất cả các bên liên quan.	- Mô tả các phương thức phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, GV, người học để đảm bảo việc hiểu và vận dụng triết lý vào hoạt động dạy và học. Lưu ý: cách trình bày và phổ biến triết lý giáo dục nên thể hiện được rõ ràng, cụ thể nội dung: ✓ Mục tiêu: CSGD hướng đến việc tạo ra những người tốt nghiệp có phẩm chất và năng lực gì? ✓ Phương thức: Để đạt được mục tiêu nói trên, CSGD dùng phương thức gì? ✓ Đóng góp của các bên liên quan trong việc chuyển tải triết lý giáo dục của CSGD vào mỗi hoạt động. - Trình bày kết quả khảo sát mức độ hiểu biết của các bên liên quan đối với triết lý giáo dục.	- Trang thông tin điện tử của CSGD có đề cập đến triết lý giáo dục. - Kế hoạch/ tài liệu liên quan đến việc giới thiệu/ phổ biến triết lý giáo dục/ mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan, đặc biệt là GV như kế hoạch tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về triết lý giáo dục... - Kết quả khảo sát các bên liên quan về triết lý giáo dục.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Triết lý giáo dục được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học.	- Mô tả việc chuyển tải triết lý giáo dục vào hoạt động dạy & học. Phân tích cho thấy CĐR, các học phần, hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với triết lý giáo dục.	- Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần. - Các bảng biểu cho thấy việc chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động dạy và học.

Bảng biểu gợi ý:

Bảng 3.1. Chuyển tải triết lý giáo dục/ mục tiêu giáo dục vào CTĐT

Các nội dung cốt lõi của triết lý giáo dục/ mục tiêu giáo dục	CĐR	CTDH	Phương thức dạy & học	Kiểm tra đánh giá người học
<i>Có khả năng áp dụng kiến thức đã học vào thực tế</i>	<i>CĐR 2</i>		<i>Phiên tòa giả định</i>	<i>Case studies</i>
...				
....				

Tiêu chí 3.2. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm.

Criterion 3.2. The teaching and learning activities are shown to allow students to participate responsibly in the learning process.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm.	- Mô tả cơ chế lựa chọn phương thức dạy và học của chương trình. - Thống kê những phương thức dạy và học (online và offline) đòi hỏi người học tham gia một cách tích cực và có trách nhiệm, ví dụ: lớp học đảo ngược, yêu cầu tự học, làm việc nhóm,... - Mô tả CSVC và trang thiết bị của chương trình giúp triển khai các phương thức dạy và học khuyến khích người học tham gia quá trình học một cách tích cực và có trách	- Bảng thống kê các phương thức dạy và học mà các học phần áp dụng. - Bộ đề cương chi tiết tất cả các học phần. - Kết quả khảo sát học phần. - Cổng thông tin học tập trực tuyến. - MC về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV; hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu/ học tập hiệu quả, chủ

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	nhiệm, ví dụ: môi trường học tập đa dạng, lớp học có tính tương tác cao, phù hợp để làm việc nhóm... - Thống kê các hoạt động tập huấn về phương pháp giảng dạy cho GV mà chương trình đã triển khai. - Mô tả hoạt động đánh giá mức độ tham gia của người học.	động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. - Rubric đánh giá mức độ tham gia của người học. - Hình ảnh các phòng học, trang thiết bị,... phục vụ cho việc triển khai các tổ hợp công nghệ dạy học/ phương pháp giảng dạy.

Tiêu chí 3.3. Các hoạt động dạy và học được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động.

Criterion 3.3. The teaching and learning activities are shown to involve active learning by the students.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các hoạt động dạy và học được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động.	- Mô tả chính sách và việc áp dụng các phương pháp học tập chủ động trong dạy và học, ví dụ: - o Cơ chế đào tạo theo tín chỉ; các môn tự chọn - o Các phương pháp dạy và học tạo điều kiện cho người học học tập chủ động như thảo luận, tranh luận, trò chơi, đóng vai, thực hành nhóm, dự án nhóm, thuyết trình,... - Mô tả hoạt động thực tập, kiến tập, làm đồ án, NCKH.	- Bộ đề cương chi tiết tất cả các học phần. - Các MC về phương pháp học tập chủ động: đồ án, thực tập/ kiến tập, bài tập,... - Cổng thông tin học tập trực tuyến. - Bản tóm tắt kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về phương thức dạy và học trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá. - Bản tóm tắt các báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả của phương thức dạy và học; kế hoạch cải tiến.

Tiêu chí 3.4. Các hoạt động dạy và học khuyến khích người học học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời (Ví dụ: tư duy phản biện, kỹ năng xử lý thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới,...).

Criterion 3.4. The teaching and learning activities are shown to promote learning, learning how to learn, and instilling in students a commitment for life-long learning (e.g., commitment to critical inquiry, information-processing skills, and a willingness to experiment with new ideas and practices).

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các hoạt động dạy và học khuyến khích người học học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời.	- Mô tả các hoạt động dạy và học khuyến khích người học rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, ví dụ: tư duy phản biện, kỹ năng tra cứu tài liệu, xử lý thông tin, kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng sử dụng ngoại ngữ, khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế thông qua hoạt động thực tập, kỹ năng tự phân tích quá trình học tập của mình để rút kinh nghiệm...	- Bản mô tả CTĐT. - Bộ đề cương chi tiết tất cả các học phần. - MC về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập chẳng hạn như dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp. - Cổng thông tin học tập trực tuyến. - MC về các hoạt động ngoại khóa. - Bản tóm tắt kết quả khảo sát ý kiến

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	- Mô tả các hoạt động ngoại khóa giúp người học rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. - Phân tích độ rộng, độ sâu của CTDH, giúp người học có thể học lên các bậc học cao hơn hoặc một ngành khác. - Trình bày kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hiệu quả làm việc của người học tốt nghiệp từ chương trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, học hỏi để tiếp cận công nghệ/ dây chuyền sản xuất mới...	phản hồi của nhà tuyển dụng về hiệu quả làm việc của người học tốt nghiệp từ chương trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, học hỏi để tiếp cận công nghệ/ dây chuyền sản xuất mới; các báo cáo kết quả khảo sát.

Tiêu chí 3.5. Các hoạt động dạy và học giúp người học thấm nhuần tầm quan trọng của việc đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.

Criterion 3.5. The teaching and learning activities are shown to inculcate in students, new ideas, creative thought, innovation, and entrepreneurship.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các hoạt động dạy và học giúp người học thấm nhuần tầm quan trọng của việc đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.	- Mô tả việc thúc đẩy người học đưa ra sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới, phát triển tinh thần khởi nghiệp thông qua thiết kế CĐR, CTDH, các hoạt động dạy và học. - Mô tả các hoạt động ngoại khoá khuyến khích người học phát triển tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp - Trình bày chính sách hỗ trợ người học NCKH của CSGD; thống kê các đề tài NCKH có sự tham gia của người học trong giai đoạn đánh giá	- Bản mô tả CTĐT. - Bộ đề cương chi tiết các học phần. - Các hoạt động kiến tập, thực tập. - MC về các hoạt động của Vườn ươm (nếu có). - Bản thống kê các đề tài NCKH có sự tham gia của người học trong giai đoạn đánh giá; MC tương ứng. - Bản thống kê các hoạt động ngoại khoá khuyến khích người học phát triển tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp; MC tương ứng.

Tiêu chí 3.6. Quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với chuẩn đầu ra.

Criterion 3.6. The teaching and learning processes are shown to be continuously improved to ensure their relevance to the needs of industry and are aligned to the expected learning outcomes.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để đảm bảo tương thích với CĐR.	- Mô tả các hoạt động rà soát hoạt động dạy và học; các quy định có liên quan, ví dụ: khảo sát ý kiến phản hồi của người học... - Phân tích tính tương thích giữa phương thức dạy và học với CĐR. - Thống kê những cải tiến về hoạt động dạy và học đã thực hiện trong 5 năm gần đây dựa trên kết quả rà soát để đảm bảo tương thích với CĐR (có thể kết hợp với phần thống kê các cải tiến để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động).	- Các văn bản quy định/ hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; đánh giá kết quả học tập. - Các biên bản rà soát/ đánh giá quá trình dạy - học của bộ môn/ khoa/ CSGD. - Các biên bản/ tài liệu thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, với CĐR. - Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học. - Thống kê những cải tiến đã thực hiện trong 5 năm gần đây dựa trên kết quả rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, hoạt động kiểm tra đánh giá người học

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
		để đảm bảo tương thích với CĐR; MC tương ứng (đề cương học phần trước và sau khi cải tiến)
- Quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	- Thống kê những cải tiến về hoạt động dạy và học đã thực hiện trong 5 năm gần đây dựa trên kết quả rà soát để đảm bảo tương thích với thị trường lao động.	- Thống kê những cải tiến đã thực hiện trong 5 năm gần đây dựa trên kết quả rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, hoạt động kiểm tra đánh giá người học để đảm bảo tương thích với nhu cầu của thị trường lao động; MC tương ứng (đề cương học phần trước và sau khi cải tiến).

Bảng biểu gợi ý

Bảng 3.2. Tính tương thích giữa phương thức dạy và học với CĐR, hoạt động kiểm tra đánh giá

Tuần	Bài 1					
1	CĐR CTĐT	CĐR học phần	Chủ đề	Hoạt động dạy & học	Đánh giá	Tài liệu
...						

TIÊU CHUẨN 4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của GDĐH. Kết quả đánh giá ảnh hưởng sâu sắc đến nghề nghiệp tương lai của người học. Do đó, hoạt động đánh giá kết quả học tập cần được thực hiện chuyên nghiệp tại mọi thời điểm và phải đưa các kiến thức cập nhật vào quá trình kiểm tra, thi cử. Đánh giá cũng cung cấp thông tin có giá trị cho CSGD về hiệu quả giảng dạy và hỗ trợ người học. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học cần đảm bảo:

- Được thiết kế để đo lường mức độ người học đạt được các CĐR;
- Phù hợp với mục đích đánh giá: thi đầu vào/ thi xếp lớp, thi giữa kỳ hay cuối kỳ; có các tiêu chí chấm điểm, phân loại rõ ràng và được công bố rộng rãi;
- Được thực hiện bởi chuyên gia hiểu rõ vai trò của hoạt động đánh giá trong tiến trình người học tích lũy các kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của văn bằng; nếu có thể, không nên chỉ dựa vào đánh giá của một người;
- Quy định về thi cử cần nêu rõ tất cả các khả năng có thể xảy ra;
- Có quy định rõ ràng về việc vắng mặt, ốm đau của người học và các tình huống có thể giảm nhẹ khác;
- Đảm bảo việc đánh giá được tiến hành an toàn, phù hợp với các quy định của CSGD;

- Có hoạt động thanh tra nhằm đảm bảo tính hiệu quả của các quy trình kiểm tra, đánh giá;
- Thông báo đến người học về: phương thức kiểm tra, đánh giá; các kỳ thi hay các hình thức đánh giá khác; các yêu cầu đối với người học; các tiêu chí đánh giá được sử dụng.

Các nội dung và MC gợi ý cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí 4.1. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng đa dạng; được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra và các mục tiêu đào tạo.

Criterion 4.1. A variety of assessment methods are shown to be used and are shown to be constructively aligned to achieving the expected learning outcomes and the teaching and learning objectives.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng.	- Mô tả hệ thống đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm tất cả các khâu từ tuyển sinh đầu vào, quá trình đào tạo, thi/ chấm luận văn tốt nghiệp. - Thống kê tất cả các phương pháp đánh giá kết quả học tập được áp dụng trong CTĐT để thể hiện tính đa dạng của hoạt động.	- Văn bản/ tài liệu hướng dẫn/ quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học bao gồm: quá trình đào tạo, thi/ chấm luận văn tốt nghiệp. - Bản mô tả CTĐT/ đề cương chi tiết các học phần.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với CĐR và các mục tiêu đào tạo	- Mô tả hệ thống quy định/ quy trình/ tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/ công cụ kiểm tra/ đánh giá phù hợp với mục đích/ mục tiêu cần đánh giá tương ứng với CĐR được phân nhiệm; quy trình xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học. - Trình bày ví dụ cụ thể minh họa sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra, đánh giá với CĐR và các mục tiêu đào tạo tương ứng (có thể trích từ đề cương chi tiết 01 học phần hoặc 01 ví dụ về kế hoạch đánh giá của 01 học phần). Lưu ý: cần minh họa cụ thể phương thức kiểm tra đánh giá áp dụng để đo lường các CĐR cấp chương trình và CĐR học phần, tránh liệt kê chung chung.	- Các quy trình/ tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/ công cụ kiểm tra/ đánh giá phù hợp với mục đích/ mục tiêu cần đánh giá tương ứng với CĐR được phân nhiệm; quy trình xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học. - Bộ đề cương chi tiết các học phần.

Bảng biểu gợi ý:

Bảng 4.1.1. Thống kê hình thức dạy và học và đánh giá kết quả học tập

STT	Tên học phần	Số TC	Tên phương thức dạy và học					Tên hình thức đánh giá kết quả học tập				
			A*	B	C	D	E	A**	B	C	D	E
1												
2	...											
	Các học phần tự chọn											
1												
2												
...												

*Tên phương thức dạy và học

**Tên hình thức đánh giá kết quả học tập

Bảng 4.1.2. Kế hoạch đánh giá học phần

	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chuyên cần					<i>Chuyên cần (rubric)</i>
Kiểm tra (cá nhân)	<i>Trắc nghiệm 1-10</i>	<i>Tự luận Câu hỏi 1</i>	<i>Tự luận Câu hỏi 3</i>		
Bài tập nhóm				<i>Dự án (rubric)</i>	<i>Dự án (rubric)</i>
Thi cuối khóa	<i>Thi viết Câu hỏi 1-2</i>	<i>Thi viết Câu hỏi 3-5</i>	<i>Thi viết Câu hỏi 6-8</i>	<i>Thi viết Câu hỏi 9-10</i>	

Tiêu chí 4.2. Các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.

Criterion 4.2. The assessment and assessment-appeal policies are shown to be explicit, communicated to students, and applied consistently.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được phát biểu rõ ràng.	- Trình bày chính sách của CSGD về đánh giá kết quả học tập của người học và phúc khảo; liệt kê các văn bản quản lý có liên quan. Trình bày sơ đồ quy trình phúc khảo.	- Các văn bản quy định về thi, kiểm tra, đánh giá - Văn bản quy định về quy trình/ thủ tục phúc khảo.
- Các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được phổ biến đến người học.	- Mô tả hương thức phổ biến thông tin về chính sách đánh giá kết quả học tập và phúc khảo đến người học. - Thống kê số trường hợp phúc khảo của người học trong giai	- MC các phương thức phổ biến thông tin về chính sách đánh giá kết quả học tập và phúc khảo đến người học, ví dụ: sổ tay SV, trang thông tin điện tử của CSGD có thông tin về chính

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	đoạn đánh giá và kết quả xử lý.	sách đánh giá kết quả học tập và phúc khảo,... - Sổ theo dõi việc phúc khảo/ kết quả phúc khảo.
- Các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được áp dụng nhất quán.	- Trình bày cách thức CSGD đảm bảo các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được áp dụng nhất quán. - Trình bày hoạt động rà soát chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo trong giai đoạn đánh giá để cải tiến chất lượng.	- Văn bản thể hiện chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được rà soát, điều chỉnh.

Tiêu chí 4.3. Các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.

Criterion 4.3. The assessment standards and procedures for student progression and degree completion, are shown to be explicit, communicated to students, and applied consistently.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được phát biểu rõ ràng.	- Trình bày hệ thống các tài liệu/ hướng dẫn quy định cụ thể về đánh giá kết quả học tập của người học: quy trình, quy định, tiêu chuẩn tuyển sinh, tốt nghiệp; các mốc thời gian; các phương pháp kiểm tra, đánh giá; tỷ lệ phân bổ điểm; bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm, cơ chế phản hồi,...	- Quy định đào tạo/ thi, kiểm tra, đánh giá. - Bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần. - Mẫu phiếu/ bản rubrics đánh giá khóa học/ học phần, đề tài/ dự án, luận văn, luận án, bài thi định kỳ/ cuối kỳ/ cuối khóa. - Sổ tay sinh viên. - Trang thông tin điện tử của CSGD có các quy định về đánh giá.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được phổ biến đến người học.	- Mô tả thời điểm và phương thức phổ biến các thông tin về quy trình, tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập đến người học.	- Các MC có liên quan đến hoạt động phổ biến thông tin về quy trình, tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập đến người học, ví dụ: Bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần; sổ tay sinh viên; trang thông tin điện tử của CSGD có các quy định về đánh giá;...
- Các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được áp dụng nhất quán.	- Trình bày cách thức CSGD đảm bảo các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được áp dụng nhất quán; cơ chế giám sát để các hoạt động đánh giá kết quả học tập được triển khai theo đúng kế hoạch, phù hợp với quy định.	- Các văn bản/ tài liệu tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/ CTĐT. - MC về hoạt động giám sát việc triển khai các hoạt động đánh giá kết quả học tập, ví dụ: sổ nhật ký giảng dạy học phần, phiếu phê duyệt đề thi/ kiểm tra,...

Tiêu chí 4.4. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, các mốc thời gian và các quy định được sử dụng để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng của hoạt động kiểm tra đánh giá.

Criterion 4.4. The assessment methods are shown to include rubrics, marking schemes, timelines, and regulations, and these are shown to ensure validity, reliability, and fairness in assessment.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	- Trình bày chính sách, hoạt động xây dựng và áp dụng các tiêu chí đánh giá, thang điểm, các mốc thời gian và quy định của CSGD để đảm bảo: - o Các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị).	- Các phương pháp đánh giá kết quả học tập có trong các văn bản/ tài liệu. - Quy định về thi, kiểm tra/ đánh giá. - Quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. - Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần. - Các văn bản/ tài liệu tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	○ Kết quả đánh giá tương đương nhau trong những lần đo khác nhau (độ tin cậy). ○ Tính công bằng: các tiêu chí đánh giá, thang điểm, mốc thời gian, trọng số,... được quy định rõ ràng; được phổ biến đến người học và người học được hướng dẫn đầy đủ.	dụng trong các học phần/ CTĐT. - Dữ liệu về kết quả chấm thi, phúc khảo, phúc tra bài thi/ kiểm tra. - Các tài liệu phân tích kết quả học tập của người học và đề xuất điều chỉnh phương pháp, cấu trúc/ nội dung đánh giá.

Tiêu chí 4.5. Các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mỗi học phần.

Criterion 4.5. The assessment methods are shown to measure the achievement of the expected learning outcomes of the programme and its courses.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT và mỗi học phần.	- Phần trình bày tiêu chí này nên có sự kết nối với nội dung trình bày ở tiêu chí 1.5 nhưng tập trung vào phương thức đo lường trực tiếp mức độ đạt CĐR của người học: - Mô tả các văn bản quy định, hướng dẫn về việc thiết kế và triển khai các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được CĐR của học phần và của CTĐT (có thể liên hệ với phần trình bày ở tiêu chí 4.1). - Phân tích quy định, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi, cách thức xác định các phương pháp kiểm tra,	- Văn bản/ tài liệu hướng dẫn/ quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học. - Chuỗi MC thể hiện tính tương thích giữa các yếu tố gồm CĐR, phương thức dạy và học, phương thức đánh giá kết quả học tập của người học (đề cương học phần, đề thi, thang điểm, tiêu chí đánh giá, đáp án...). - Kế hoạch triển khai các hoạt động đánh giá, đo lường mức độ đạt được CĐR của học phần và CĐR

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	đánh giá để đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo. - Trình bày kế hoạch đánh giá (assessment plan) cho tổng thể CTĐT để đo lường đánh giá tất cả CĐR của CTĐT tích hợp từ đo lường các CĐR học phần có liên quan.	của CTĐT.
- Việc theo dõi mức độ đạt được CĐR của người học được thực hiện và thông tin này được sử dụng để cải tiến CTĐT.	- Trình bày cơ chế theo dõi và giám sát mức độ đạt được CĐR của người học và việc sử dụng thông tin này để cải tiến CTĐT.	- Cơ sở dữ liệu về đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT/học phần. - Các báo cáo phân tích mức độ đạt được CĐR học phần và CĐR CTĐT.

Tiêu chí 4.6. Thông tin phản hồi kết quả đánh giá được cung cấp kịp thời đến người học.

Criterion 4.6. Feedback of student assessment is shown to be provided in a timely manner.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Người học được phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá.	- Trình bày quy định của CSGD về việc phản hồi kết quả đánh giá đến người học (thời gian phản hồi; cách thức phản hồi;...), phương thức phổ biến quy định; phương thức giám sát hoạt động này.	- Văn bản quy định về việc gửi phản hồi kết quả đánh giá đến người học. - Sổ tay sinh viên. - Trang thông tin điện tử của CSGD.
- Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá giúp người học cải thiện việc học tập.	- Mô tả thông tin phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá được cung cấp kịp thời đến người học, giúp người học có thể điều chỉnh việc học hiệu quả hơn; trình bày kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về kết quả kiểm tra đánh giá.	- Các văn bản quy định về thi, kiểm tra, đánh giá. - Các văn bản/ tài liệu tổng kết, sơ kết sau mỗi kỳ học/ năm học. - MC một số phản hồi đã được gửi đến người học. - Hồ sơ khảo sát ý kiến phản hồi của người học (phiếu khảo sát, báo cáo, dữ liệu thống kê,...).

Tiêu chí 4.7. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được rà soát và cải tiến liên tục để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với chuẩn đầu ra.

Criterion 4.7. The student assessment and its processes are shown to be continuously reviewed and improved to ensure their relevance to the needs of industry and alignment to the expected learning outcomes.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được định kỳ rà soát.	- Mô tả việc rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan (chu kỳ, đầu mỗi triển khai, các bước triển khai,...) để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với CĐR; các quy định có liên quan. Ví dụ: khảo sát ý kiến các bên liên quan, phân tích kết quả học tập của người học, họp Khoa/ bộ môn...	- Các văn bản quy định/ hướng dẫn rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học. - Các văn bản/ tài liệu tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/ CTĐT. - Hồ sơ hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được định kỳ cải tiến để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với CĐR.	- Thống kê những cải tiến đã thực hiện trong giai đoạn đánh giá dựa trên kết quả rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan (nếu được, nên nêu rõ cải tiến nào nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, cải tiến nào nhằm đảm bảo sự tương thích với CĐR).	- Các văn bản/ tài liệu tổng kết, sơ kết sau mỗi kỳ học/ năm học. - Hồ sơ hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học. - Các báo cáo kết quả rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các cải tiến đã thực hiện. - Các tài liệu phân tích kết quả chấm thi, kết quả học tập của người học.

TIÊU CHUẨN 5

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

Chất lượng đội ngũ GV đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động đào tạo của một CSGD. Để đảm bảo đủ số lượng và chất lượng của đội ngũ GV phục vụ cho việc vận hành CTĐT thì công tác quản lý đội ngũ cần được triển khai một cách toàn diện bao gồm:

- *Quy hoạch phát triển đội ngũ*: xây dựng các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để phát triển đội ngũ GV (đội ngũ kế nhiệm, nâng bậc, tái phân công nhiệm vụ, chấm dứt hợp đồng, hưu trí).
- *Tuyển dụng, phát triển và nâng bậc*: thực hiện công tác tuyển dụng, phân công nhiệm vụ, giám sát tải trọng; đánh giá để nâng bậc, được đảm bảo các quyền, đặc quyền, tự do học thuật, trách nhiệm giải trình.
- *Đào tạo nâng cao năng lực*: GV thường xuyên được đào tạo, nâng cao năng lực dựa trên nhu cầu và yêu cầu của công việc.
- *Quản lý, đánh giá*: quản lý theo hiệu quả công việc, đánh giá để khen thưởng và công nhận nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ.

Các nội dung và MC gợi ý cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn 5:

Tiêu chí 5.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm các kế hoạch kế nhiệm, nâng bậc/ thăng chức, bố trí lại, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện nhằm đảm bảo đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng về cả số lượng và chất lượng.

Criterion 5.1. The programme to show that academic staff planning (including succession, promotion, re-deployment, termination, and retirement plans) is carried out to ensure that the quality and quantity of the academic staff fulfil the needs for education, research, and service.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có thực hiện quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm các kế hoạch kế nhiệm, nâng bậc/ thăng chức, bố trí lại, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu).	- Mô tả và trình bày các số liệu về hiện trạng đội ngũ GV tham gia giảng dạy chương trình. - Mô tả công tác quy hoạch và xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV của khoa/ CSGD (kế hoạch kế nhiệm, nâng bậc, thăng chức, bố trí lại, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu).	- Chiến lược phát triển của CSGD/ Khoa. - Chiến lược phát triển đội ngũ GV. - Kế hoạch năm học của Khoa (có thông tin về đội ngũ GV). - Bảng thống kê về hiện trạng cơ cấu GV.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
		- Thông tin tóm tắt về chính sách nhân sự của khoa/ CSGD.
- Việc quy hoạch đội ngũ GV giúp đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng; đáp ứng nhu cầu các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.	- Trình bày các số liệu thống kê về công tác quy hoạch đội ngũ GV của CTĐT trong giai đoạn trước và trong thời gian sắp tới (số lượng, trình độ,...), - Đánh giá mức độ đạt được trong kế hoạch phát triển đội ngũ GV ở giai đoạn trước. - Phân tích ngắn gọn cho thấy hoạt động quy hoạch đội ngũ GV căn cứ trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	- Kế hoạch tuyển dụng của khoa/ CSGD. - Danh sách đội ngũ GV tham gia chương trình. - Bảng tóm tắt các chỉ số/ KPI về kế hoạch/ quy hoạch phát triển GV.

Các bảng biểu gợi ý:

Bảng 5.1.1. Thống kê đội ngũ GV có tham gia giảng dạy chương trình⁴

Phân loại	Nam	Nữ	Tổng cộng		Tỷ lệ % Tiến sĩ
			Số lượng	FTE ⁵	
Giáo sư					
Phó Giáo sư					
GV toàn thời gian					
GV bán thời gian					
GV thỉnh giảng					
Tổng cộng					

⁴ Số liệu cần cập nhật đến thời điểm đánh giá

⁵ Cần trình bày quy tắc quy đổi số lượng GV sang FTE

Bảng 5.1.2. Tóm tắt kế hoạch phát triển đội ngũ GV trong giai đoạn tiếp theo

	Số liệu hiện tại (năm...)	Mục tiêu (các năm tiếp theo trong chiến lược phát triển)					Tổng cộng đến năm...
		Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	
Giáo sư							
Phó giáo sư							
Tiến sĩ							
Thạc sĩ							
GV toàn thời gian							
GV nghỉ hưu							
GV được tuyển dụng thêm							

Tiêu chí 5.2. Tải trọng công việc của giảng viên được đo lường và giám sát để cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

Criterion 5.2. The programme to show that staff workload is measured and monitored to improve the quality of education, research, and service.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có thực hiện đo lường và giám sát tải trọng công việc của GV.	- Trình bày quy định của CSGD về nhiệm vụ, khối lượng công việc của GV trong giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác. - Trình bày tóm tắt phương pháp, công cụ được sử dụng để tính tải trọng công việc của GV (số giờ giảng/ khối lượng công việc tiêu chuẩn/ tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, chỉ số KPI (nếu có)). - Trình bày và phân tích tỷ lệ người học/GV của chương trình trong giai đoạn gần đây.	- Văn bản quy định về chế độ/ định mức làm việc của GV. - Sổ tay GV. - Các quy định liên quan đến khối lượng công việc của GV. - Các phần mềm quản lý đội ngũ. - Bảng số liệu về tỷ lệ NH/GV theo từng năm trong giai đoạn đánh giá. - Bảng thống kê khối lượng công việc/ tải trọng công việc thực hiện của từng cá nhân (giờ giảng, giờ NCKH, phục vụ...).

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Kết quả đo lường, giám sát tải trọng công việc của GV được sử dụng để cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.	- Trình bày việc khoa/ CSGD giám sát, đối sánh tải trọng công việc của GV so với các quy định hiện hành. - Phân tích kết quả giám sát, đối sánh được sử dụng để cải tiến chất lượng của các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.	- Quy chế chi tiêu nội bộ. - Báo cáo, biên bản họp có nội dung liên quan đến tải trọng công việc của GV. - MC về việc các kết quả đo lường, giám sát tải trọng công việc của GV được sử dụng để cải tiến chất lượng các hoạt động của khoa/ CSGD.

Các bảng biểu gợi ý:

Bảng 5.2. Thống kê tỷ lệ người học/ GV trong giai đoạn 5 năm gần đây

Năm học	Tổng số FTE của GV	Tổng số FTE của người học	Tỷ lệ người học/GV

Tiêu chí 5.3. Năng lực của giảng viên được xác định, được đánh giá và được phổ biến thông tin.

Criterion 5.3. The programme to show that the competences of the academic staff are determined, evaluated, and communicated.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Năng lực của GV được xác định.	- Trình bày quy định của khoa/ CSGD về năng lực cần có của đội ngũ GV (yêu cầu về năng lực đối với từng vị trí công tác). Trong đó, nhấn mạnh hệ thống tiêu chí trong tuyển dụng, nâng bậc, đào tạo – phát triển, đánh giá, khen thưởng GV phù hợp với các quy định về năng lực GV.	- Tài liệu quy định về năng lực đội ngũ GV (ví dụ: trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,...). - Bản mô tả vị trí công việc của GV.
- Năng lực của GV được đánh giá và được phổ biến thông tin.	- Mô tả quy trình, các hình thức/ phương pháp mà khoa/ CSGD sử dụng để đánh giá năng lực của đội ngũ GV (Ví dụ: đánh giá cuối năm, đánh giá thông qua phản hồi của người học...). Có thể tóm tắt thông tin về hệ thống đánh giá. - Mô tả các hình thức phổ biến và thông báo công khai các thông tin liên quan đến các quy định, tiêu chuẩn đánh giá tới đội ngũ GV.	- Biểu mẫu đánh giá năng lực GV. - Hồ sơ năng lực của GV. - Kết quả đánh giá, phân loại GV. - Bản nhận xét/ đánh giá trình độ/ năng lực hằng năm của GV. - Biên bản họp về kết quả đánh giá GV và kế hoạch nâng cao năng lực cho GV. - Dữ liệu về hoạt động khảo sát ý kiến NH.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 5.3. Tóm tắt thông tin của một số hình thức đánh giá năng lực GV

Hình thức	Thời điểm/thời gian	Đơn vị/ cá nhân triển khai	Tên văn bản quy trình/ công cụ, biểu mẫu (nếu có)

Tiêu chí 5.4. Giảng viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và khả năng.

Criterion 5.4. The programme to show that the duties allocated to the academic staff are appropriate to qualifications, experience, and aptitude.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- GV được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và khả năng.	- Trình bày cơ cấu tổ chức của khoa/ bộ môn và văn bản quy định liên quan đến yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm và khả năng ở các vị trí	- Kế hoạch năm học. - Bảng phân công giảng dạy. - Bản mô tả vị trí công việc.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	công tác. - Phân tích cho thấy việc phân công nhiệm vụ dựa trên cơ sở trình độ, kinh nghiệm, khả năng của GV và đáp ứng các quy định. - Mô tả cách thức khoa/ CSGD giám sát, đánh giá hiệu quả của việc phân công nhiệm vụ cho GV, từ đó có các thay đổi/ điều chuyển kịp thời (nếu có).	- Hồ sơ năng lực của GV. - Biên bản họp liên quan đến việc phân công nhiệm vụ cho GV. - Bảng tóm tắt thể hiện nhiệm vụ phân công tương ứng với năng lực, trình độ, kinh nghiệm của từng GV (tham khảo bảng 5.4).

Bảng biểu gợi ý

Bảng 5.4. Tóm tắt phân công nhiệm vụ dành cho đội ngũ GV

STT	Tên GV	Nhiệm vụ/ môn học được phân công	Trình độ chuyên môn/ năng lực

Tiêu chí 5.5. Có hệ thống đánh giá để nâng bậc cho giảng viên, trong đó có xem xét hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

Criterion 5.5. The programme to show that promotion of the academic staff is based on a merit system which accounts for teaching, research, and service.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có hệ thống đánh giá để nâng bậc dành cho GV.	- Mô tả những quy định, văn bản của nhà nước, CSGD,... về nâng bậc dành cho GV. - Mô tả những tiêu chí/ KPI được sử dụng trong đánh giá để nâng bậc... - Mô tả quy trình triển khai hoạt động đánh giá để nâng bậc dành cho đội ngũ GV.	- Các quy định liên quan đến nâng bậc dành cho GV. - Quy định đánh giá để nâng bậc dành cho GV. - Hệ thống đánh giá GV. - Các quyết định nâng bậc...
- Hệ thống đánh giá để nâng bậc dành cho GV có xem xét hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.	- Mô tả tình hình thực hiện đánh giá để nâng bậc cho GV đã được thực hiện tại đơn vị (cần trình bày rõ việc có xem xét hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng). - Phân tích tính phù hợp, tương thích giữa hệ thống quy định/ tiêu chuẩn nâng bậc với hệ thống quản lý theo hiệu quả công việc và hệ thống công nhận/ khen thưởng.	- Các quy định liên quan đến nâng bậc dành cho GV. - Các quy định về công nhận khen thưởng. - MC về hệ thống quản lý theo hiệu quả công việc.

Tiêu chí 5.6. Các quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, các mối liên hệ và trách nhiệm giải trình của giảng viên được xác định và hiểu rõ, trong đó có xem xét đến quyền tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp.

Criterion 5.6. The programme to show that the rights and privileges, benefits, roles and relationships, and accountability of the academic staff, taking into account professional ethics and their academic freedom, are well defined and understood.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, các mối liên hệ và trách nhiệm giải trình của GV được xác định, trong đó có xem xét đến quyền tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp.	- Trình bày tóm tắt các quyền lợi dành cho GV kèm thông tin về các quy định/ văn bản liên quan. - Trình bày tóm tắt về các vai trò, mối quan hệ, trách nhiệm giải trình của GV được quy định. - Trình bày tóm tắt quy định về đạo đức nghề nghiệp và quyền tự do học thuật của GV.	- Các chính sách - quy định liên quan đến nhân sự. - Hợp đồng lao động. - Quy trình xây dựng và ban hành các văn bản dành cho đội ngũ GV. - Quy định phúc lợi dành cho GV. - Quy định về sở hữu trí tuệ.
- Các quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, các mối liên hệ và trách nhiệm giải trình của GV được hiểu rõ.	- Trình bày các hoạt động/ hình thức phổ biến thông tin, quy định về quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, các mối liên hệ và trách nhiệm giải trình của GV cho các bên liên quan.	- Sổ tay GV. - Trang thông tin điện tử của CSGD. - Tóm tắt các hình thức phổ biến thông tin về các quy định có liên quan cho GV.

Tiêu chí 5.7. Có hệ thống xác định nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên và các hoạt động đào tạo, tập huấn phù hợp được triển khai để đáp ứng những nhu cầu này.

Criterion 5.7. The programme to show that the training and developmental needs of the academic staff are systematically identified, and that appropriate training and development activities are implemented to fulfil the identified needs.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có hệ thống xác định nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn của GV.	- Mô tả các kênh/ hình thức mà khoa/ CSGD định kỳ thu thập nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn dành cho GV. Lưu ý, các nhu cầu sau khi thu thập cần được tổng hợp làm căn cứ để xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ hoặc kế hoạch đào tạo phát triển đội ngũ hằng năm.	- Kết quả khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. - Biểu mẫu khảo sát dành cho GV về nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực. - Quy trình xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn cho GV hằng năm. - Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ GV. - Kế hoạch kèm kinh phí dành cho đào tạo, phát triển đội ngũ GV hằng năm.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các hoạt động đào tạo, tập huấn được triển khai phù hợp để đáp ứng nhu cầu của GV.	- Trình bày các thông tin, số liệu thể hiện kết quả đào tạo, tập huấn; bảng số liệu về ngân sách dành cho hoạt động đào tạo trong giai đoạn 5 năm qua. Phần trình bày cần cho thấy các hoạt động được triển khai theo kế hoạch và phù hợp với nhu cầu của GV. - Trình bày hoạt động giám sát, đánh giá hiệu quả triển khai các kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực dành cho GV.	- Các thông báo tập huấn/ đào tạo. - Quyết định cử đi học tập, bồi dưỡng và tiếp nhận. - Danh sách đội ngũ GV được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm. - Báo cáo tổng kết đánh giá hằng năm. - Kết quả khảo sát đánh giá của GV sau đợt đào tạo/ tập huấn. - Thống kê kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm (bao gồm nội dung, thời lượng tính theo giờ/ theo kinh phí đã chi hoặc số lượt/ số lượng cán bộ tham dự).

Bảng biểu gợi ý

Bảng 5.7.1. Thống kê kết quả đào tạo, tập huấn dành cho đội ngũ GV

Năm	Nội dung/ chủ đề tập huấn	Số đợt tập huấn	Số lượt cán bộ tham dự

Tiêu chí 5.8. Việc quản lý hiệu quả công việc của giảng viên (bao gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên.

Criterion 5.8. The programme to show that performance management including reward and recognition is implemented to assess academic staff teaching and research quality.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có hệ thống quản lý hiệu quả công việc của GV (bao gồm cả khen thưởng và công nhận).	- Mô tả tóm tắt các thông tin liên quan đến hệ thống quản lý hiệu quả công việc của GV (đơn vị/ cá nhân phụ trách, công cụ, thời điểm thực hiện,...). - Trình bày tóm tắt những năng lực, chỉ số được sử dụng để đánh giá hiệu quả công việc của GV.	- Phần mềm quản lý nhân sự. - Bản mô tả vị trí công việc. - Hệ thống văn bản đánh giá thi đua khen thưởng.
- CSGD/ khoa triển khai quản lý theo hiệu quả công việc để đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy và nghiên cứu	- Trình bày việc CSGD/ khoa triển khai hệ thống quản lý hiệu quả công việc của GV. - Phân tích hoạt động công nhận,	- Kế hoạch công tác cụ thể đối với GV hằng năm. - Kết quả đánh giá, phân loại GV

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
cứu khoa học của GV.	khen thưởng GV được dựa trên hệ thống quản lý hiệu quả công việc. - Trình bày số liệu thống kê về việc công nhận, khen thưởng GV của CTĐT trong 05 năm gần nhất. - Trình bày mức độ hài lòng của GV đối với hệ thống quản lý đánh giá đặc biệt là hệ thống thi đua khen thưởng và công nhận.	hàng năm. - Quyết định, danh sách GV được khen thưởng và công nhận đột xuất và hàng năm (nêu rõ lý do). - Báo cáo kết quả khảo sát GV trong đó có nội dung liên quan đến việc quản lý hiệu quả công việc (bao gồm công nhận, khen thưởng). - Biểu đồ thể hiện mức độ hài lòng của đội ngũ GV về hệ thống quản lý hiệu quả công việc (bao gồm khen thưởng, công nhận). - Báo cáo Hội nghị Công nhân viên chức hàng năm.

TIÊU CHUẨN 6

CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Hoạt động hỗ trợ người học là một trong những mảng hoạt động đóng vai trò quan trọng quyết định đến chất lượng của CTĐT. Đối với hoạt động này cần cho thấy CSGD/ Khoa đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ người học bao gồm các hoạt động học thuật và phi học thuật. Đồng thời, các hoạt động này được triển khai xuyên suốt trong toàn bộ quá trình đào tạo ở CSGD đại học bao gồm:

- ✓ Đầu vào: việc phổ biến các thông tin về chính sách, tiêu chí tuyển sinh, quy trình tiếp nhận, hỗ trợ người học.
- ✓ Tiến trình: các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học thông qua giám sát kết quả học tập và rèn luyện, tải trọng học tập nhằm giúp người học đảm bảo đúng tiến trình học.
- ✓ Đầu ra, tốt nghiệp: Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ về phát triển kỹ năng; các hoạt động thi đua, ngoại khóa nhằm nâng cao chất lượng học tập và khả năng có việc làm của người học.

Để đảm bảo chất lượng của hoạt động hỗ trợ người học thì CTĐT cũng cần quan tâm đến các yếu tố như việc xây dựng chiến lược, kế hoạch ngắn hạn/ dài hạn cho các hoạt động, chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ (CBHT) và hệ thống giám sát, đánh giá hiệu quả các hoạt động và thực hiện cải tiến liên tục.

Các nội dung và MC gợi ý cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn 6:

Tiêu chí 6.1. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học vào chương trình được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến rộng rãi và cập nhật.

Criterion 6.1. The student intake policy, admission criteria, and admission procedures to the programme are shown to be clearly defined, communicated, published, and up-to-date.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học được xác định rõ ràng, được ban hành.	- Trình bày chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học của CTĐT. Các nội dung này được nêu trong văn bản nào của CSGD/ Khoa.	- Đề án/ chính sách tuyển sinh hằng năm. - Quy trình tuyển sinh, quy trình tiếp nhận người học.
- Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học được phổ biến rộng rãi.	- Mô tả các hình thức công bố công khai các quy định, chính sách liên quan đến tuyển sinh cho các bên liên quan. - Mô tả các hình thức công bố kết quả tuyển sinh, các quy trình tiếp	- Các thông báo/ kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của CSGD/ Khoa. - CSDL tuyển sinh. - Tài liệu tuyên truyền hướng nghiệp, tuyển sinh.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	nhận người học. - Mô tả thêm về hoạt động tư vấn tuyển sinh, đổi mới công tác tuyển sinh để thu hút người học tương lai.	- Báo cáo phân tích, đánh giá, đối sánh kết quả tuyển sinh của CTĐT. - Thống kê kết quả tuyển sinh của CTĐT.
- Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học được cập nhật.	- Mô tả hoạt động định kỳ rà soát, đánh giá sự phù hợp, cập nhật về chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học vào CTĐT. - Làm rõ các điều chỉnh chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học cũng như cơ sở cho các điều chỉnh này.	- Báo cáo rà soát, đánh giá công tác tuyển sinh hằng năm. - Dữ liệu hằng năm về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. - Bản tổng hợp những thay đổi trong chính sách tuyển sinh của CSGD trong giai đoạn 5 năm.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 6.1.1. Thống kê kết quả tuyển sinh CTĐT trong giai đoạn 5 năm

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm

Bảng 6.1.2. Tóm tắt các thay đổi trong chính sách, tiêu chí tuyển chọn, quy trình tiếp nhận người học trong giai đoạn 5 năm

Năm học	Các thay đổi trong chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn, quy trình tiếp nhận người học	Cơ sở của các điều chỉnh/ Các ý kiến góp ý/ đề xuất của các bên liên quan (nếu có)

Tiêu chí 6.2. Công tác quy hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với hoạt động hỗ trợ người học (học thuật, phi học thuật) được triển khai nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng.

Criterion 6.2. Both short-term and long-term planning of academic and non-academic support services are shown to be carried out to ensure sufficiency and quality of support services for teaching, research, and community service.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với hoạt động hỗ trợ người học (gồm hoạt động học thuật, phi học thuật) nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các hoạt động.	- Mô tả tóm tắt các loại/ nhóm hoạt động hỗ trợ người học (học thuật, phi học thuật) được triển khai ở CSGD/ khoa. - Mô tả việc khảo sát các bên liên quan về nhu cầu đối với các hoạt động hỗ trợ người học. - Trình bày công tác lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cho các hoạt động hỗ trợ người học (thời điểm, đơn vị/ cá nhân phụ trách, quy trình,...). Cần trình bày rõ cơ sở của việc lập kế hoạch, nguồn thông tin và nhu cầu của các đối tượng.	- Kế hoạch chiến lược của khoa/ CSGD (trong đó có mảng nội dung hỗ trợ người học). - Kế hoạch tổ chức các hoạt động hỗ trợ người học (kế hoạch tiếp người học, kế hoạch tổ chức sinh hoạt đầu khóa, kế hoạch tư vấn kỹ năng,...). - Các báo cáo, biên bản, văn bản khảo sát các bên liên quan về nhu cầu đối với các hoạt động hỗ trợ người học.

Tiêu chí 6.3. Có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học. Tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học được ghi nhận và giám sát một cách có hệ thống; có phản hồi tới người học và có các hoạt động khác phục được triển khai khi cần.

Criterion 6.3. An adequate system is shown to exist for student progress, academic performance, and workload monitoring. Student progress, academic performance, and workload are shown to be systematically recorded and monitored. Feedback to students and corrective actions are made where necessary.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học.	- Mô tả hệ thống, công cụ, CSDL đo lường, giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học. Hệ thống này có hỗ trợ theo dõi sự tiến bộ cũng như thành tích của người học. - Trình bày các quy định liên quan đến tải trọng học tập của người học, các yêu cầu về việc hoàn thành CTĐT, kết quả học tập của học kỳ/ năm học, số	- Quy chế/ quy định đào tạo. - Quyết định thành lập/ phân công đơn vị/ bộ phận phụ trách giám sát, theo dõi tiến độ học tập của người học. - Văn bản quy định về CTĐT được phê duyệt trong đó quy định rõ khối lượng học tập của người học.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	tín chỉ tối thiểu/ tối đa được đăng ký mỗi học kỳ,...	- Các MC về hệ thống, phần mềm, công cụ và CSDL đo lường, giám sát tiến độ và tải trọng học tập của người học.
- Tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học được ghi nhận, giám sát một cách có hệ thống.	- Trình bày kế hoạch năm học, trong đó có thông tin về kế hoạch dạy và học. - Mô tả việc giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học. Nêu các chức năng của hệ thống, phần mềm giúp ghi nhận, giám sát, cho phép trích xuất các thông tin về hoạt động học tập của người học (nếu cần). - Mô tả về hệ thống cố vấn học tập, giám sát thực tập và hướng dẫn luận văn.	- Hệ thống quản lý đào tạo. - Hệ thống đăng ký học phần. - Các văn bản quy định, danh sách cố vấn học tập. - Các văn bản quy định, danh sách hướng dẫn luận văn, hướng dẫn thực tập. - Kế hoạch tư vấn, hỗ trợ người học.
- CSGD/ khoa có phản hồi tới người học về tiến độ,	- Mô tả về hệ thống phản hồi thông tin về tiến độ, kết quả học tập và khối lượng	- CSDL về tiến độ học tập của người học (học lại, ngừng học,

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
kết quả học tập và khối lượng học tập và có các hoạt động khắc phục được triển khai khi cần.	học tập tới người học cũng như các hoạt động tư vấn/ hỗ trợ đã được triển khai. - Cung cấp các số liệu thống kê cho thấy kết quả/ hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ người học. Ví dụ: có sự cải tiến trong kết quả học tập của người học từ hệ thống theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học. - Cung cấp các số liệu thống kê cho thấy mức độ hài lòng của người học, GV đối với hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học.	thôi học,...) trong giai đoạn đánh giá. - Biên bản họp/ sinh hoạt về tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học. - Tài liệu liên quan đến tư vấn học tập, email tư vấn của cố vấn học tập,... - Thống kê về sự tiến bộ trong kết quả học tập, rèn luyện của người học người học.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 6.3. Tóm tắt hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH

STT	Bộ phận/ cá nhân phụ trách	Nhiệm vụ/ nội dung	Công cụ/ phần mềm hỗ trợ (nếu có)
Hệ thống giám sát cấp Trường			
Hệ thống giám sát cấp Khoa			

Tiêu chí 6.4. Các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác được triển khai nhằm giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng tìm được việc làm cho người học.

Criterion 6.4. Co-curricular activities, student competition, and other student support services are shown to be available to improve learning experience and employability.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có triển khai các hoạt động tư vấn, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác về học tập và việc làm cho người học.	- Mô tả việc CSGD có phân công trách nhiệm cho đơn vị/ bộ phận về việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học. - Mô tả về các loại/ nhóm hoạt động tư vấn, ngoại khóa, thi đua được tổ chức cho người học. - Mô tả việc khoa/ CSGD có giám sát, đánh giá việc triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học (đơn vị cá nhân phụ trách, công cụ, quy trình,...)	- Văn bản thành lập/ giao nhiệm vụ cho đơn vị/ bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. - Quy định về tư vấn học tập, việc làm, hoạt động hỗ trợ người học. - Danh sách, quyết định thành lập các câu lạc bộ, hội, nhóm,... - Các kế hoạch, báo cáo hằng năm, hình ảnh MC CSDG/ khoa có tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho người học.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
		- Danh sách các CSGD, doanh nghiệp/ tổ chức phối hợp/ liên kết trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng. - Hình ảnh về các hoạt động hỗ trợ người học đã được tổ chức.
- Các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng tìm được việc làm của người học.	- Phân tích các hoạt động tư vấn, hỗ trợ giúp người học cải thiện chất lượng học tập. - Phân tích các hoạt động tư vấn, hỗ trợ giúp cải thiện khả năng có việc làm của người học. - Trình bày các số liệu khảo sát người học và người học tốt nghiệp về mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ.	- Bảng thống kê kết quả tổ chức các hoạt động (hoạt động, thời gian, số lượng người học tham gia...) - Báo cáo kết quả phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. - Báo cáo kết quả khảo sát tình trạng có việc làm của người học tốt nghiệp hằng năm và trong thời gian đánh giá.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 6.4. Tóm tắt các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học.

Tên hoạt động	Tóm tắt nội dung	Cá nhân/ đơn vị phụ trách	Thời gian triển khai
I.Nhóm hoạt động tư vấn, hỗ trợ nhằm cải thiện việc học tập của người học			
II.Nhóm hoạt động tư vấn, hỗ trợ nhằm cải thiện tình hình có việc làm của người học			

Tiêu chí 6.5. Năng lực của cán bộ hỗ trợ triển khai các dịch vụ dành cho người học được xác định rõ trong tiêu chí tuyển dụng và phân công nhiệm vụ. Các năng lực này được đánh giá để đảm bảo phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Vai trò và mối liên hệ được xác định rõ để đảm bảo các dịch vụ được triển khai nhịp nhàng.

Criterion 6.5. The competences of the support staff rendering student services are shown to be identified for recruitment and deployment. These competences are shown to be evaluated to ensure their continued relevance to stakeholders needs. Roles and relationships are shown to be well defined to ensure smooth delivery of the services.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Năng lực của CBHT triển khai các dịch vụ dành cho người học được xác định rõ trong tiêu chí tuyển dụng và phân công nhiệm vụ.	- Mô tả về Khung năng lực/ quy định về năng lực cần có của đội ngũ CBHT đối với từng vị trí công việc. - Trình bày tiêu chí tuyển dụng, phân công nhiệm vụ cho CBHT, trong đó có xem xét đến yếu tố năng lực.	- Chính sách-quy định liên quan đến vấn đề nhân sự. - Các văn bản quy định năng lực của CBHT. - Sổ tay CBHT. - Bản mô tả công việc của cán bộ. - Tiêu chí tuyển dụng CBHT. - Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá CBHT.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Năng lực của CBHT được đánh giá để đảm bảo phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.	- Mô tả về hệ thống đánh giá năng lực của CBHT được triển khai ở khoa/ CSGD (các quy định, quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực,...).	- Biểu mẫu đánh giá năng lực CBHT. - Quy định đánh giá CBHT. - Các bảng/ biểu đồ thể hiện kết quả đánh giá của các bên liên quan về CBHT (thể hiện mức độ hài lòng) trong giai đoạn vừa qua. - Các biên bản họp về hoạt động hỗ trợ người học... - Các bản tự đánh giá, bản nhận xét của cấp trên, các biên bản họp nhận xét đánh giá xếp loại công chức, viên chức, người lao động hằng năm. - Kết quả đánh giá đội ngũ nhân viên hằng năm.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Vai trò và mối liên hệ giữa các cá nhân, bộ phận được xác định rõ để đảm bảo các dịch vụ dành cho người học được triển khai nhịp nhàng.	- Mô tả về vai trò và các mối liên hệ giữa các CBHT được quy định rõ và thể hiện trong các văn bản/ quy định. - Trình bày việc phổ biến các văn bản/ quy định về vai trò và mối liên hệ giữa các cá nhân, bộ phận đến các bên liên quan để đảm bảo mọi người hiểu rõ, giúp cho các dịch vụ được triển khai nhịp nhàng.	- Bản mô tả công việc. - Bản phân công nhiệm vụ. - Các tài liệu về việc phổ biến các văn bản/ quy định về vai trò và mối liên hệ giữa các cá nhân, bộ phận.

Tiêu chí 6.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.

Criterion 6.6. Student support services are shown to be subjected to evaluation, benchmarking, and enhancement

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và đối sánh	- Mô tả về công tác giám sát, đánh giá chất lượng các hoạt động hỗ trợ (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ người học như tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động ngoại khóa...) bao gồm các thông tin như cá nhân, đơn vị phụ trách việc giám sát đánh giá, các hình thức, công cụ sử dụng để giám sát đánh giá...). - Phân tích vai trò của việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan đối với việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	- Báo cáo tổng kết các hoạt động. - Văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. - Khảo sát các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. - Dữ liệu đánh giá, kết quả khảo sát/ đánh giá các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. - Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	- Trình bày bảng thống kê kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trong 5 năm gần đây.	
- Các dịch vụ hỗ trợ người học được cải tiến chất lượng.	- Mô tả về các hoạt động cải tiến chất lượng được triển khai dựa trên các kết quả đánh giá. Trình bày bảng thống kê những cải tiến đã triển khai dựa trên cơ sở kết quả đánh giá/ giám sát.	- Biên bản họp; Các biên bản/ kết luận/ quyết định/ hóa đơn chứng từ liên quan đến cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. - Thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. - Thống kê những cải tiến về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trong 5 năm gần đây.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 6.6. Tóm tắt những cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học tương ứng với các góp ý đề xuất của các bên liên quan trong giai đoạn 5 năm.

Năm	Lĩnh vực/ hoạt động	Các nội dung thay đổi cải tiến	Cơ sở của các điều chỉnh, cải tiến

TIÊU CHUẨN 7

CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

Để triển khai hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và phục vụ nhằm đáp ứng CDR của chương trình thì hệ thống CSVC của CSGD/ Khoa cần đáp ứng cả về mặt số lượng cũng như chất lượng bao gồm:

- ✓ Hệ thống phòng chức năng, phòng học và các trang thiết bị phục vụ dạy và học;
- ✓ Hệ thống phòng thí nghiệm/ thực hành, các trang thiết bị và các công cụ;
- ✓ Hệ thống thư viện và thư viện điện tử;
- ✓ Hệ thống hạ tầng CNTT;
- ✓ Các tiêu chuẩn về môi trường tâm lý, xã hội, an toàn và sức khỏe.

Hệ thống CSVC cần thể hiện được mối liên hệ với phương thức dạy và học. Ngoài ra, chất lượng của đội ngũ CBHT về CSVC (bao gồm nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính và các đơn vị hỗ trợ khác) và việc cập nhật, bảo trì và cải tiến liên tục cũng cần quan tâm để nâng cao chất lượng của hệ thống CSVC.

Các nội dung và MC gợi ý cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn 7:

Tiêu chí 7.1. Có đủ các nguồn lực cơ sở vật chất bao gồm các trang thiết bị, tài nguyên học tập và hệ thống công nghệ thông tin để vận hành chương trình dạy học.

Criterion 7.1. The physical resources to deliver the curriculum, including equipment, material, and information technology, are shown to be sufficient.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Trường/ khoa có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị, tài nguyên học tập và hệ thống CNTT đáp ứng các yêu cầu theo quy định và giúp vận hành CTDH.	- Mô tả, phân tích các số liệu về các loại hình và số lượng phòng học, giảng đường, hội trường, trang thiết bị và hệ thống CNTT. Cần đánh giá về tính đầy đủ, phù hợp của các nguồn lực CSVC để vận hành CTDH. - Trình bày số liệu về tài nguyên học tập của CTĐT (tài liệu điện tử, giấy). Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng cũng như yêu cầu của môn học đối với tài nguyên học	- Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. - Danh mục CSVC, trang thiết bị,...; Sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng,... - Thống kê số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị kèm theo. - Kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	tập của CSGD. - Mô tả về công tác rà soát, bổ sung, nâng cấp các nguồn lực CSVC để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. - Mô tả các hoạt động đo lường và thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ hài lòng với CSVC và trang thiết bị (có thể chỉ cần thu thập ý kiến của các đối tượng bên trong CSGD).	- Kinh phí dành cho đầu tư CSVC và trang thiết bị hằng năm. - Quy trình đăng ký sử dụng phòng/ trang thiết bị, tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/ không hoạt động, số giờ vận hành,... - Kế hoạch bảo trì CSVC. - Các báo cáo khảo sát các đối tượng có liên quan (người học, học viên, GV, cán bộ) về hệ thống phòng và trang thiết bị kèm theo.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 7.1.1. Thống kê phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phục vụ CTĐT

<i>Loại phòng</i>	Số lượng phòng	Tổng diện tích	Các loại trang thiết bị/ Số lượng trang thiết bị
<i>Phòng làm việc</i>			
- <i>Loại phòng...</i>			
- <i>Loại phòng...</i>			
-			
<i>Phòng chức năng</i>			
- <i>Loại phòng...</i>			
- <i>Loại phòng...</i>			
-			
- <i>Phòng học</i>			
- <i>Loại phòng...</i>			
- <i>Loại phòng...</i>			

Bảng 7.1.2. Tóm tắt các cải tiến của hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị tương ứng với các góp ý đề xuất của người sử dụng trong giai đoạn 5 năm

Năm	Các điểm cải tiến của hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các trang thiết bị	Các ý kiến góp ý/ đề xuất của người sử dụng

Tiêu chí 7.2. Các phòng thí nghiệm và trang thiết bị được cập nhật, sẵn có và được sử dụng hiệu quả.

Criterion 7.2. The laboratories and equipment are shown to be up-to-date, readily available, and effectively deployed.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Phòng thí nghiệm/ thực hành và các trang thiết bị đầy đủ phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	- Trình bày và thống kê các phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị có liên quan đến CTĐT. - Phân tích cho thấy tính đầy đủ, phù hợp với mục tiêu đào tạo. - Phân tích tính cập nhật/ mới của các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm/ thực hành so với thực tế. - Mô tả và phân tích về vấn đề/ chính sách đảm bảo an toàn, sức khỏe, môi trường,... trong phòng thực hành/ thí nghiệm; kế hoạch ứng phó khẩn cấp.	- Sơ đồ phòng thí nghiệm, phòng thực hành. - Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành. - Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thí nghiệm, thực hành. - Thiết bị bảo hộ và quy trình phòng cháy chữa cháy. - Hướng dẫn an toàn trong phòng thí nghiệm/ phòng thực hành.
- Phòng thí nghiệm/ thực hành và các trang thiết bị được cập nhật	- Mô tả quy trình và hoạt động duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/ nâng cấp các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để đáp	- Quy định, quy trình về việc định kỳ rà soát, cập nhật trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. - Mô tả về nguồn kinh phí/ ngân sách hằng năm cho việc bảo trì, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm và trang thiết bị.	- Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị. - Thống kê Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm trong giai đoạn đánh giá.
- Phòng thí nghiệm/ thực hành và các trang thiết bị được sử dụng hiệu quả.	- Mô tả việc khoa/ trường có quy trình quản lý việc sử dụng phòng thí nghiệm/ thực hành và các trang thiết bị. - Mô tả các hoạt động thu thập ý kiến phản hồi về các phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị liên quan đến CTĐT (<i>mức độ đáp ứng yêu cầu, tính hiện đại, sự phù hợp với mục tiêu và CDR môn học</i>). - Trình bày các kết quả thu được và các hoạt động đã cải tiến, có xem xét ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	- Nhật ký sử dụng trang thiết bị. - Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành,...). - Dữ liệu phản hồi của người học và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị. - Bảng tóm tắt các cải tiến của phòng thí nghiệm, thực hành trong giai đoạn 5 năm tương ứng với các ý kiến góp ý/ đề xuất của người sử dụng.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 7.2.1. Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành

Khoa/ Bộ môn	Tên phòng thí nghiệm/ thực hành phục vụ CTĐT	Số lượng trang thiết bị phòng thí nghiệm/ thực hành

Bảng 7.2.2 Các cải tiến, cập nhật của phòng thí nghiệm, thực hành tương ứng với các góp ý đề xuất của người sử dụng trong giai đoạn 5 năm

Năm	Các điểm cải tiến của phòng thí nghiệm, thực hành	Các ý kiến góp ý/ đề xuất của người sử dụng

Tiêu chí 7.3. Có thư viện điện tử được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về công nghệ thông tin-truyền thông.

Criterion 7.3. A digital library is shown to be set-up, in keeping with progress in information and communication technology.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có thư viện, thư viện điện tử và các nguồn học liệu phục vụ CTDH.	- Mô tả về hệ thống thư viện, thư viện điện tử của CSGD. - Cung cấp số liệu về loại hình và số lượng tài nguyên của thư viện (đặc biệt là thư viện điện tử). - Mô tả về dịch vụ của thư viện và công nghệ truyền thông, phần mềm được sử dụng để hỗ trợ cho việc vận hành chức năng, dịch vụ của thư viện. - Mô tả việc kết nối với các thư viện điện tử của các CSGD/ tổ chức khác ngoài CSGD.	- Giao diện thư viện điện tử. - Danh sách các nguồn học liệu. - CSDL thư viện. - Hệ thống phần mềm thư viện. - Kinh phí hằng năm dành cho thư viện. - Thống kê danh mục tài liệu điện tử phục vụ CTĐT. - Hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu của Thư viện và Thư viện số.
- Hệ thống thư viện, thư viện	- Mô tả về việc bảo trì, nâng cấp hệ	- Thống kê danh sách tài liệu của

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
điện tử được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về CNTT-truyền thông.	thống/ công cụ quản lý thư viện, hệ thống CNTT của thư viện. - Trình bày quy trình cập nhật tài liệu cho hệ thống thư viện. - Trình bày nguồn ngân sách phân bổ để cập nhật tài nguyên thư viện. - Thống kê các đầu tư cho thư viện trong 05 năm gần nhất. - Mô tả các hoạt động thu thập ý kiến phản hồi về hoạt động của thư viện và các học liệu liên quan. Trình bày các kết quả thu được và các hoạt động cải tiến của thư viện (tham khảo bảng 7.3).	CTĐT được bổ sung cho thư viện trong 05 năm gần nhất. - Báo cáo kết quả đánh giá/ phản hồi của người học, GV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện điện tử và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. - Chứng từ thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu,...), CSVC, trang thiết bị và hệ thống CNTT trong 05 năm gần nhất. - Kế hoạch triển khai các hoạt động cải thiện sau khi lấy ý kiến khảo sát của người sử dụng. - Bảng tóm tắt các cải tiến của thư viện điện tử trong giai đoạn 5 năm tương ứng với các ý kiến góp ý/ đề xuất của người sử dụng.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 7.3. Tóm tắt các điểm cải tiến của thư viện tương ứng với các góp ý đề xuất của người sử dụng trong giai đoạn 5 năm.

Năm	Các điểm cải tiến của thư viện điện tử	Các ý kiến góp ý/ đề xuất của người sử dụng

Tiêu chí 7.4. Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu của cán bộ, giảng viên và người học.

Criterion 7.4. The information technology systems are shown to be set up to meet the needs of staff and students.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có hệ thống CNTT để hỗ trợ hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Mô tả về hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng internet, trang thông tin điện tử,...). Mô tả hệ thống dạy và học trực tuyến mà CSGD triển khai. - Phân tích sự phù hợp của hệ thống này để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Văn bản phân công bộ phận/ người phụ trách hệ thống CNTT. - Thống kê số liệu về hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị CNTT. - Thiết bị bảo mật và bản quyền; phòng chống virus;... - Trang thông tin điện tử.
- Hệ thống CNTT được định kỳ bảo trì, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu của các bên	- Mô tả công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động	- Sổ theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông,

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
liên quan.	đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. - Trình bày nguồn ngân sách phân bổ để cập nhật hệ thống CNTT.	phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử. - Văn bản về kế hoạch định kỳ bảo trì, nâng cấp, bổ sung máy tính và phần mềm chuyên dụng. - Báo cáo thống kê về tần suất sử dụng hệ thống CNTT.
- Hệ thống CNTT đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.	- Mô tả hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT. - Trình bày kết quả về mức độ hài lòng của các bên liên quan về hệ thống CNTT. - Trình bày các hoạt động cải tiến đã triển khai trong giai đoạn 5 năm dựa trên các kết quả khảo sát.	- Mẫu phiếu, báo cáo, dữ liệu về kết quả đánh giá/phản hồi của người học, GV và các bên liên quan khác về mức độ hài lòng đối với hệ thống CNTT. - Bảng tóm tắt các cải tiến của hệ thống CNTT trong giai đoạn 5 năm tương ứng với các ý kiến góp ý/ đề xuất của các bên liên quan.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 7.4. Các cải tiến của hệ thống CNTT tương ứng với các góp ý đề xuất của người sử dụng trong giai đoạn 5 năm

Năm	Các điểm cải tiến của hệ thống CNTT	Các ý kiến góp ý/ đề xuất của người sử dụng

Tiêu chí 7.5. Cán bộ, giảng viên và người học dễ dàng tiếp cận với hệ thống mạng và máy tính trong khuôn viên của CSGD để có thể khai thác tối đa công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.

Criterion 7.5. The university is shown to provide a highly accessible computer and network infrastructure that enables the campus community to fully exploit information technology for teaching, research, service, and administration.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có hệ thống mạng và máy tính phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.	- Mô tả về hệ thống mạng và máy tính được sử dụng hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.	- Văn bản phân công bộ phận/ người phụ trách hệ thống mạng máy tính. - Thống kê phần cứng và phần mềm mạng máy tính. - Các dịch vụ mạng máy tính.
- Hệ thống mạng và máy tính được bảo trì, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.	- Mô tả về việc bảo trì, nâng cấp hệ thống mạng máy tính đột xuất/ định kỳ. Làm rõ việc việc bảo trì, nâng cấp hệ thống mạng máy tính được triển khai phù hợp với nhu	- MC về việc thu thập, ghi nhận nhu cầu, yêu cầu của các bên liên quan về hệ thống mạng máy tính.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	cầu, yêu cầu của các bên liên quan. - Trình bày nguồn ngân sách phân bổ để cập nhật hệ thống mạng máy tính.	- Báo cáo tổng hợp về các hoạt động bảo trì, nâng cấp hệ thống mạng máy tính - Ngân sách hằng năm dành cho hệ thống mạng máy tính
- Hệ thống mạng và máy tính đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.	- Mô tả hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hệ thống mạng máy tính. - Mô tả mức độ hài lòng của các bên liên quan về hệ thống mạng máy tính. - Trình bày các hoạt động cải tiến chất lượng dựa trên ý kiến phản hồi trong 5 năm gần nhất.	- Mẫu phiếu, Báo cáo khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan - Bảng tóm tắt các cải tiến của hệ thống mạng máy tính trong 5 năm gần nhất tương ứng với các ý kiến góp ý/ đề xuất của các bên liên quan.

Tiêu chí 7.6. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và thực hiện; có lưu ý đến các cá nhân có nhu cầu đặc biệt.

Criterion 7.6. The environmental, health, and safety standards and access for people with special needs are shown to be defined and implemented.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến các cá nhân có nhu cầu đặc biệt.	- Trình bày những quy định, tiêu chuẩn để đảm bảo môi trường, sức khỏe, an toàn và những người nhu cầu đặc biệt.	- Văn bản quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.
- Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được thực hiện.	- Có xem xét yếu tố mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn khi triển khai các hoạt động tại CSGD. - CSGD có thực hiện đánh giá tính hiệu quả, phù hợp của các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an	- Các kế hoạch hoạt động, báo cáo hoạt động về các vấn đề liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn. - Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy. - Hệ thống an ninh trong

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	toàn. - Khoa/ trường có triển khai các hoạt động kiểm tra an toàn, vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn tại đơn vị.	trường (camera, bảo vệ,...) - Thiết bị hỗ trợ - lối đi dành cho các đối tượng đặc biệt.
- Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được cải tiến dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	- Mô tả hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong CSGD về vấn đề môi trường, sức khỏe và an toàn. - Trình bày kết quả khảo sát các bên liên quan về vấn đề môi trường, sức khỏe và an toàn trong CSGD. - Mô tả việc CSGD có thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên phân tích kết quả hài lòng của các bên liên quan và các kết quả đối sánh.	- Báo cáo khảo sát các bên liên quan về đảm bảo an toàn, môi trường, sức khỏe. - Các MC về việc cải tiến dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tiêu chí 7.7. Cơ sở giáo dục cung cấp môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho người học.

Criterion 7.7. The university is shown to provide a physical, social, and psychological environment that is conducive for education, research, and personal wellbeing.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- CSGD/ khoa có xây dựng/ thiết lập môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu.	- Mô tả về việc Khoa/ CSGD đã xây dựng/ thiết lập môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho người học.	- Thiết kế khuôn viên CSGD. - Hệ thống canteen, ký túc xá. - Dịch vụ tư vấn tâm lý. - CSVC phục vụ cho hoạt động văn nghệ, thể thao. - Hoạt động nâng cao sức khỏe tinh thần.
- Môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho người học.	- Mô tả hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan của CSGD. Trình bày kết quả khảo sát . - Mô tả về việc cải thiện môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.	- Báo cáo tổng hợp, phân tích kết quả hài lòng của các bên liên quan. - Bảng tóm tắt các cải thiện về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan trong 5 năm dựa trên các ý kiến góp ý/ đề xuất của các bên liên quan.

Tiêu chí 7.8. Năng lực của cán bộ hỗ trợ tham gia các dịch vụ liên quan đến cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định rõ và đánh giá nhằm đảm bảo những kỹ năng đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

Criterion 7.8. The competences of the support staff rendering services related to facilities are shown to be identified and evaluated to ensure that their skills remain relevant to stakeholder needs.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Năng lực của CBHT tham gia các dịch vụ liên quan đến CSVC và trang thiết bị được xác định rõ.	- Mô tả về khung năng lực/ quy định về năng lực dành cho CBHT tham gia các dịch vụ liên quan đến CSVC và trang thiết bị.	- Chính sách, quy định về nhân sự - Sổ tay nhân viên, đề án vị trí việc làm - Bản mô tả công việc - Kế hoạch công việc cá nhân - Quy định-biểu mẫu đánh giá cán bộ
- Năng lực của CBHT tham gia các dịch vụ liên quan đến CSVC và trang thiết bị được đánh giá.	- Mô tả về hoạt động đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CBHT tham gia các dịch vụ liên quan đến CSVC và trang thiết bị. - Mô tả hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến CSVC và trang thiết bị. - Phân tích mức độ đáp ứng các yêu cầu về năng lực của đội ngũ CBHT.	- Bảng thống kê các yêu cầu về năng lực của đội ngũ hỗ trợ (theo vị trí công tác) - Các quy định, quy trình về việc đánh giá năng lực đội ngũ CBHT - Báo cáo/ biên bản đánh giá năng lực đội ngũ CBHT - Các biểu mẫu, dữ liệu, báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan...

Tiêu chí 7.9. Chất lượng các cơ sở vật chất (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá và cải tiến.

Criterion 7.9. The quality of the facilities (library, laboratory, IT, and student services) are shown to be subjected to evaluation and enhancement.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Chất lượng các CSVC (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá.	- Mô tả về hoạt động đánh giá chất lượng hệ thống CSVC (đánh giá thông qua các chỉ số, mục tiêu, ý kiến các bên liên quan...). - Trình bày kết quả khảo sát các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến CSVC và trang thiết bị.	- Quy định về đánh giá chất lượng hệ thống CSVC. - Báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan về hệ thống CSVC.
- Chất lượng các CSVC (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được cải tiến.	- Trình bày những hoạt động cải tiến nào đã được thực hiện trong giai đoạn vừa qua để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.	- Kế hoạch cải tiến chất lượng. - Tóm tắt các cải tiến về CSVC dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

TIÊU CHUẨN 8

ĐẦU RA VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Khi đánh giá hệ thống BDCL CTĐT, việc đo lường các thành quả và đầu ra của chương trình là hết sức quan trọng. Hoạt động này bao gồm đo lường mức độ đạt được CĐR; tỷ lệ tốt nghiệp; tỷ lệ thôi học; thời gian tốt nghiệp trung bình; tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp; hoạt động, sản phẩm NCKH của người học và GV cũng như mức độ hài lòng của các bên liên quan.

CSGD cần thiết lập hệ thống thu thập, theo dõi và đối sánh các thông tin, số liệu về đầu ra của CTĐT và sử dụng để cải tiến chất lượng. Các số liệu, thông tin cần được thu thập, tổng hợp trong 05 gần nhất và cần được đối sánh với các CTĐT gần/ tương đương trong và ngoài CSGD.

Các nội dung và MC gợi ý cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn 8:

Tiêu chí 8.1. Tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Criterion 8.1. The pass rate, dropout rate, and average time to graduate are shown to be established, monitored, and benchmarked for improvement.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình	- Mô tả về việc CSGD/ khoa có thiết lập các chỉ số/ chỉ tiêu về tỷ	- Văn bản quy định/ giao nhiệm vụ cho đơn vị/ cá nhân thực hiện lập CSDL

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
của người học được thiết lập.	lệ đậu, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong các kế hoạch, chiến lược. - Mô tả hệ thống thu thập, quản lý và theo dõi các số liệu về tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.	và tham mưu giải pháp cải thiện về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình - Hệ thống theo dõi/ giám sát sự tiến bộ của người học (các chức năng, phân quyền,...).
- Tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.	- Trình bày kết quả, xu hướng tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình trong giai đoạn 05 năm gần nhất. - Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình. - Trình bày các hoạt động đối sánh tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT	- Báo cáo và bảng thống kê tỷ lệ người học tốt nghiệp, bỏ học theo từng năm. - Báo cáo phân tích tỷ lệ đậu rớt của người học theo từng môn học, tỷ lệ bỏ học, tỷ lệ tốt nghiệp trong giai đoạn 5 năm. - Báo cáo phân tích về hệ thống theo dõi/ giám sát sự tiến bộ người học và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống này.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	với các CTĐT gần/ tương đương trong và ngoài CSGD - Mô tả việc khoa/ CSGD có kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên phân tích các kết quả và thực hiện đối sánh..	- Báo cáo đối sánh. - Báo cáo kế hoạch cải tiến dựa trên đối sánh. - Biên bản họp của khoa/ CSGD. - Kế hoạch/ biện pháp giúp cải thiện tỷ lệ người học tốt nghiệp, tỷ lệ người học rớt, tỷ lệ người học bỏ học.

Bảng biểu gợi ý

Bảng 8.1. Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học (thống kê số liệu trong 5 khóa gần nhất)

Khóa học	Tổng số người học (theo niên khóa)	% nhận bằng tốt nghiệp sau			% thôi học trong			
		3 năm	4 năm	>4 năm	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4

Tiêu chí 8.2. Tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Criterion 8.2. Employability as well as self-employment, entrepreneurship, and advancement to further studies, are shown to be established, monitored, and benchmarked for improvement

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được thiết lập.	- Mô tả về việc CSGD/ khoa có xác định, thiết lập các chỉ số/ chỉ tiêu về tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp trong các kế hoạch, chiến lược. - Mô tả hệ thống theo dõi/ giám sát hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.	- Văn bản quy định/ giao nhiệm vụ cho đơn vị/ cá nhân thực hiện lập CSDL theo dõi/ giám sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. - Hệ thống theo dõi/ giám sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp (các chức năng, phân quyền,...). - Báo cáo khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về người học tốt nghiệp. - Kế hoạch đào tạo hằng năm. - CSDL về đào tạo, việc làm của khoa/ CSGD.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.	- Mô tả về việc khoa/ CSGD theo dõi tình hình việc làm/ khởi nghiệp/ học lên bậc cao hơn của người học tốt nghiệp. - Trình bày kết quả, xu hướng tình hình việc làm/ khởi nghiệp/ học lên bậc cao hơn trong 05 năm gần nhất. - Trình bày đối sánh tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của CTĐT gần/ tương đương trong và ngoài CSGD để có kế hoạch cải tiến chất lượng.	- Thống kê, phân tích tình hình việc làm/ khởi nghiệp/ học lên bậc cao hơn của người học tốt nghiệp trong giai đoạn 5 năm gần nhất. - Các báo cáo tổng kết năm học. - CSDL để đối sánh giữa các năm, các khoá, các CTĐT trong CSGD và với CTĐT của một số CSGD khác.. - Kế hoạch cải tiến tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 8.3. Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học và các sản phẩm, hoạt động sáng chế do giảng viên và người học thực hiện được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Criterion 8.3. Research and creative work output and activities carried out by the academic staff and students, are shown to be established, monitored, and benchmarked for improvement.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học và các sản phẩm, hoạt động sáng chế do GV và người học thực hiện được thiết lập.	- Mô tả về việc khoa/ CSGD có chiến lược/ kế hoạch cho hoạt động NCKH trong đó có thiết lập các chỉ số/ chỉ tiêu về kết quả NCKH. - Mô tả về việc khoa/ CSGD có hệ thống quản lý, đo lường, giám sát hoạt động NCKH.	- Chiến lược NCKH. - Các kế hoạch NCKH hằng năm. - CSDL hoạt động NCKH. - Thống kê các kết quả NCKH của GV và người học thuộc CTĐT trong giai đoạn 5 năm. - Các báo cáo tổng kết hoạt động NCKH.
- Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học và các sản phẩm, hoạt động sáng chế do GV và người học thực hiện được theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.	- Trình bày số liệu về loại hình, khối lượng, xu hướng đầu ra của hoạt động NCKH của GV và người học trong giai đoạn 5 năm gần đây. - Trình bày các kết quả đối sánh của CTĐT với các đơn vị trong và	- Bảng đối sánh về kết quả NCKH với các đơn vị khác. - Biên bản họp cấp trường/ cấp khoa có liên quan đến cải tiến chất lượng NCKH. - Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	ngoài CSGD. - Mô tả việc CSGD có kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên phân tích các kết quả. - Trình bày đơn vị đã áp dụng các giải pháp cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, GV và nghiên cứu viên.	

Bảng biểu gợi ý:

Bảng 8.3. Loại hình và số lượng công bố khoa học

Năm học	Hình thức công bố khoa học				Tổng cộng	Tỷ lệ công bố khoa học/ GV
	Cấp CSGD	Cấp quốc gia	Cấp khu vực	Cấp quốc tế		

Tiêu chí 8.4. Có dữ liệu về mức độ đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của người học. Dữ liệu này được thiết lập và theo dõi.

Criterion 8.4. Data are provided to show directly the achievement of the programme outcomes, which are established and monitored.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Có dữ liệu về mức độ đạt được CĐR chương trình đào tạo của người học.	- Mô tả việc CTĐT có thiết lập, công bố CĐR của chương trình. - Mô tả tóm tắt về hệ thống đo lường, giám sát và hệ thống CSDL đo lường việc đạt CĐR của CTĐT.	- CĐR của CTĐT đã công bố. - Báo cáo kết quả đo lường, giám sát việc đạt CĐR của CTĐT.
- Dữ liệu về mức độ đạt được CĐR chương trình đào tạo của người học được thiết lập và theo dõi.	- Mô tả việc khoa/ CSGD có thực hiện theo dõi dữ liệu về mức độ đạt được CĐR CTĐT của người học. - Mô tả việc CSGD/ khoa điều chỉnh, cập nhật liên quan đến CĐR; phương pháp đo lường mức độ đạt được CĐR chương trình dựa trên phân tích dữ liệu kết quả.	- Biên bản họp cấp trường/ khoa có liên quan đến cải tiến mức độ đạt CĐR của CTĐT. - Thống kê các điều chỉnh/ cập nhật CĐR của CTĐT trong giai đoạn vừa qua.

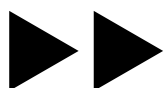
Tiêu chí 8.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Criterion 8.5. Satisfaction level of the various stakeholders are shown to be established, monitored, and benchmarked for improvement.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
- Mức độ hài lòng của các bên liên quan được thiết lập.	- Mô tả về việc khoa/ trường có chiến lược/ kế hoạch trong đó có thiết lập các chỉ số, mục tiêu liên quan đến mức độ hài lòng của các bên liên quan. - Mô tả tóm tắt việc khoa/ CSGD có hệ thống để đo lường, giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan.	- Quy trình/ quy định của đơn vị về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của đơn vị. - Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan. - CSDL khảo sát các bên liên quan.
- Mức độ hài lòng của các bên liên quan được theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.	- Trình bày, phân tích số liệu về mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT trong giai đoạn gần đây. - Phân tích số liệu đối sánh kết quả về	- Thống kê kết quả khảo sát các bên liên quan trong giai đoạn 5 năm. - Báo cáo tổng kết khảo sát ý kiến các bên liên quan hằng năm.

Phân tích yêu cầu	Nội dung gợi ý	Minh chứng gợi ý
	mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT với các đơn vị khác/ tỷ lệ chung của CSGD. - Mô tả việc khoa/ CSGD có các kế hoạch để cải tiến chất lượng chỉ số về mức độ hài lòng của các bên liên quan.	- Báo cáo phân tích đối sánh. - Kế hoạch cải thiện mức độ hài lòng các bên liên quan.

**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG
HỒ SƠ MINH CHỨNG
CỐT LÕI THEO CHECKLIST
CỦA AUN-QA**



**PHẦN
04**

4.1. GIỚI THIỆU CHUNG

Hồ sơ MC cốt lõi theo checklist là tập hợp các thông tin và MC quan trọng cần dịch sang tiếng Anh để cung cấp cho Đoàn đánh giá theo quy định của AUN (liệt kê trong mẫu “**Checklist for the Submission of Self-Assessment Report**”). Các thông tin và MC này bao gồm:

- a. Chuẩn đầu ra
- b. Bản tóm tắt tất cả các môn học trong chương trình đào tạo
- c. Mô tả chương trình đào tạo
- d. Một số mẫu đề cương chi tiết môn học - bản mô tả môn học
- e. Triết lý giáo dục
- f. Một số mẫu đề thi, bài thi, kiểm tra
- g. Một số mẫu hướng dẫn cho điểm
- h. Một số mẫu các tiêu chí đánh giá, thang điểm cho thực tập, đồ án, luận văn tốt nghiệp
- i. Mẫu đánh giá giảng viên, đội ngũ hỗ trợ
- j. Mẫu khảo sát đánh giá của người học
- k. Tóm tắt hoạt động khảo sát, các báo cáo, biên bản họp
- l. Tóm tắt kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ
- m. Tóm tắt kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ

Để tạo điều kiện thuận lợi cho đánh giá viên trong việc tra cứu và đối chiếu thông tin, hồ sơ MC cốt lõi theo checklist nên

được cung cấp cho Đoàn đánh giá ở dạng MC online (gửi kèm theo báo cáoTĐG) và MC bản cứng (trong quá trình khảo sát chính thức – site visit).

CSGD có thể tham khảo những hướng dẫn ở mục này để xây dựng bộ hồ sơ MC cốt lõi theo checklist với đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của AUN-QA.

4.2.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG HỒ SƠ MINH CHỨNG CỐT LÕI THEO CHECKLIST CỦA AUN-QA

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
a	Expected learning outcomes (chuẩn đầu ra)	- Các phiên bản CĐR của chương trình trong 5 năm gần đây. - Những điều chỉnh đã thực hiện trong 5 năm gần đây. - Lưu ý: thông tin cung cấp cần nhất quán với các tài liệu liên quan như thông tin trong báo cáo tự đánh giá, trang thông tin điện tử (CSGD, Khoa), bản mô tả CTĐT, đề cương học phần,...	- Bản dịch các văn bản chính thức của CSGD có đề cập đến CĐR của CTĐT (đầy đủ các phiên bản trong 5 năm gần đây). - Bản tóm tắt những điều chỉnh về CĐR của chương trình trong giai đoạn đánh giá; MC tương ứng.
b	Brief outline of all courses in the programme	- Bản tóm tắt tất cả các học phần trong CTĐT.	- Bản tóm tắt tất cả các môn học trong CTĐT (nên trình bày theo thứ tự triển khai các học

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
	<i>(Bản tóm tắt tất cả các học phần trong chương trình đào tạo)</i>		phần trong CTĐT).
c	Programme specification <i>(Mô tả chương trình đào tạo)</i>	- Bản mô tả CTĐT. - Lưu ý: Mô tả CTĐT cần đảm bảo đầy đủ các thông tin theo mẫu của AUN: ✓ CSGD/ đơn vị cấp bằng ✓ Đơn vị tổ chức giảng dạy ✓ Thông tin về các chứng nhận kiểm định ✓ Tên gọi của văn bằng ✓ Tên CTĐT ✓ CĐR của CTĐT	- Cần cung cấp đầy đủ các bản mô tả CTĐT (trong trường hợp CTĐT có điều chỉnh) trong giai đoạn đánh giá. - Nếu CSGD có nhiều phiên bản của tài liệu mô tả CTĐT để phổ biến thông tin đến các bên liên quan như học sinh, nhà tuyển dụng, GV,... thì nên cung cấp đủ các phiên bản và ghi rõ mục tiêu của các phiên bản này.

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
		✓ Tiêu chí tuyển sinh ✓ Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài ✓ Cấu trúc chương trình và các yêu cầu bao gồm trình độ, môn học, số tín chỉ,... ✓ Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả CTĐT.	
d	Samples of course specification <i>(Một số mẫu đề cương chi tiết môn học-bản mô tả môn học)</i>	- Tối thiểu 05 mẫu đề cương chi tiết học phần. - Lưu ý: Mẫu đề cương chi tiết học phần cần đảm bảo đầy đủ các thông tin theo mẫu của AUN: ✓ Tên môn học ✓ Số tín chỉ	- Đề cương chi tiết của tối thiểu 05 học phần. - Các phiên bản đề cương học phần nếu học phần có điều chỉnh trong giai đoạn đánh giá (phiên bản cũ kèm phiên bản điều chỉnh tương ứng).

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
		✓ CĐR của môn học ✓ Các phương pháp dạy/ học; kiểm tra, đánh giá người học ✓ Đề cương học phần ✓ Ngày ban hành hay điều chỉnh bản mô tả môn học.	
e	Educational philosophy <i>(Triết lý giáo dục)</i>	- Nội dung triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của khoa/ CSGD. - Hình thức phổ biến triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của khoa/ CSGD đến các bên liên quan. - Hình thức chuyển tải triết lý giáo dục của khoa/ CSGD vào hoạt động dạy và học.	- Bản dịch văn bản chính thức của CSGD có đề cập đến triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của khoa/ CSGD. - Đường link trang thông tin điện tử có đề cập đến triết lý giáo dục của khoa/ CSGD. - Kế hoạch/ tài liệu liên quan đến việc giới thiệu, phổ biến triết lý giáo dục và mục tiêu

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
			giáo dục. - Nên lập bảng thể hiện việc chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT; cung cấp MC tương ứng với thông tin trong bảng.
f	Sample of examination papers (Một số mẫu đề thi, bài thi, kiểm tra)	- Bộ hồ sơ kiểm tra đánh giá của tối thiểu 05 học phần, gồm có mẫu các đề kiểm tra quá trình, thi giữa kỳ/ cuối kỳ; đề thi cuối khóa của chương trình trong giai đoạn đánh giá. - Lưu ý tính tương thích của các đề kiểm tra, đề thi với CĐR của học phần và chương trình. - Lưu ý việc thực hiện các hoạt động kiểm tra/ đánh giá quá trình, thi giữa kỳ/ cuối kỳ cần triển khai theo kế hoạch được ghi trong đề cương	Để làm rõ thông tin liên quan đến công tác đánh giá kết quả học tập của người học, cần cung cấp tối thiểu 05 bộ hồ sơ học phần, gồm: - Đề cương chi tiết học phần (cần thể hiện các thông tin: CĐR của học phần, CĐR cấp chương trình mà học phần đóng góp, phương thức dạy và học, các phương pháp kiểm tra đánh giá người học...)

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
		chi tiết học phần. Nên cung cấp đề thi của các hình thức thi/ kiểm tra khác nhau để thể hiện tính đa dạng, ví dụ: thi vấn đáp, thi viết, trắc nghiệm, tự luận, làm việc nhóm,...	- Mẫu các đề kiểm tra đánh giá quá trình, thi giữa kỳ, cuối kỳ (nên làm rõ nội dung nào trong đề kiểm tra/ thi gắn với CDR cần đo để đảm bảo có thể đo lường mức độ đạt được CDR học phần/ CTĐT). - Hướng dẫn chấm thi, đáp án đề thi/ bảng tiêu chí đánh giá/ thang điểm tương ứng với các đề thi được cung cấp ở trên.
g	Sample of marking guides <i>(Một số mẫu hướng dẫn cho điểm)</i>	Tối thiểu bộ đáp án các đề kiểm tra quá trình, đề thi giữa kỳ, cuối kỳ của 05 học phần trong 05 năm gần đây.	Một số bài làm thực tế của người học (nên chọn những bài làm có thể hiện nhận xét của GV). Cần cung cấp đủ bài làm của người học theo các mẫu đề kiểm tra quá trình, thi giữa kỳ/ cuối kỳ được cung cấp

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
			ở trên.
h	Sample of rubrics especially for internship, project and thesis writing <i>(Một số mẫu các tiêu chí đánh giá, thang điểm cho thực tập, đồ án, luận văn tốt nghiệp)</i>	- Các loại bảng tiêu chí đánh giá/ thang điểm được sử dụng để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng cho hoạt động đánh giá, đặc biệt là bảng tiêu chí đánh giá/ thang điểm/ mẫu phiếu đánh giá thực tập, đồ án và luận văn tốt nghiệp. - Lưu ý: nên cung cấp ví dụ của cả 3 loại bảng tiêu chí đánh giá/ thang điểm: checklist, phân tích (analytic) và tổng hợp (holistic).	- Bảng tiêu chí đánh giá/ thang điểm/ mẫu phiếu đánh giá thực tập, đồ án và luận văn tốt nghiệp - MC cho việc áp dụng các bảng tiêu chí đánh giá trong thực tế, ví dụ: cung cấp bài làm của người học, sản phẩm thực tế (nếu có) và bảng tiêu chí đánh giá do GV thực hiện đối với các bài làm này.
i	Sample of academic and support staff appraisal forms <i>(Mẫu đánh giá GV,</i>	- Cần cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động đánh giá năng lực đội ngũ GV, CBHT và của khoa/ CSGD, gồm có: ✓ Tóm tắt quy định/ quy trình của	- Bản giới thiệu tóm tắt việc triển khai định kỳ các hoạt động đánh giá năng lực CBHT, GV của khoa/ CSGD (Ví dụ: quy định về hoạt động cán bộ như

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
	<i>đội ngũ hỗ trợ)</i>	khoa/ CSGD về việc định kỳ triển khai hoạt động đánh giá năng lực đội ngũ GV, CBHT. ✓ Các công cụ được sử dụng để đánh giá năng lực cán bộ (cung cấp mẫu phiếu khảo sát hoặc hình ảnh về hệ thống phần mềm sử dụng để đánh giá). ✓ Tóm tắt việc triển khai hoạt động đánh giá GV, đội ngũ hỗ trợ của khoa/ CSGD trong 05 năm qua.	yêu cầu GV tự đánh giá, CB quản lý đánh giá, quy trình khen thưởng/ kỷ luật,...). - Đính kèm các mẫu phiếu tự đánh giá/ đánh giá hằng năm dành cho đội ngũ CBHT và GV. - Đính kèm các báo cáo kết quả đánh giá GV, đội ngũ hỗ trợ của khoa/ CSGD trong 05 năm qua; các hoạt động khen thưởng/ kỷ luật (nếu có).
j	Sample of student evaluation <i>(Mẫu khảo sát đánh giá của người học)</i>	- Việc triển khai hoạt động khảo sát lấy ý kiến đánh giá của người học được triển khai tại khoa/ CSGD, ví dụ: khảo sát môn học, khảo sát người học chuẩn bị tốt nghiệp, khảo sát về CSVC, khảo sát đánh giá mức	- Bản giới thiệu ngắn gọn về các hoạt động khảo sát người học mà chương trình triển khai và kết quả khảo sát trong giai đoạn đánh giá (nên trình diễn bằng đồ thị/ bảng số

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
		độ đạt CĐR, khảo sát kết thúc khóa học,... Các thông tin cần có bao gồm: ✓ Hình thức khảo sát ✓ Chu kỳ, thời gian khảo sát (tính định kỳ) ✓ Đối tượng khảo sát ✓ Mục tiêu khảo sát ✓ Mẫu phiếu khảo sát ✓ Kết quả khảo sát (nên trình bày theo bảng số liệu, đồ thị,...) ✓ Các nội dung cải tiến chất lượng dựa trên ý kiến khảo sát (nếu có)	liệu,... để thể hiện xu thế), đính kèm các mẫu phiếu khảo sát, kế hoạch, kết quả khảo sát và việc sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến. - Lưu ý, cần trình bày cho thấy rõ mục tiêu của mỗi hoạt động khảo sát, tính định kỳ của hoạt động.
k	1-page brief of each survey, tracer study	- Mô tả tóm tắt hiện trạng triển khai hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi	- Bản giới thiệu tóm tắt về các hoạt động khảo sát tại CSGD.

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
	report or minutes of meeting <i>(Tóm tắt hoạt động khảo sát, các báo cáo, biên bản họp)</i>	các bên liên quan của CSGD. - Mỗi loại khảo sát cần trình bày tóm tắt trong tối đa 01 trang A4 về việc triển khai với các thông tin cần có bao gồm: ✓ Hình thức khảo sát ✓ Chu kỳ, thời gian khảo sát (tính định kỳ) ✓ Mục tiêu khảo sát ✓ Mẫu phiếu khảo sát ✓ Đối tượng khảo sát ✓ Tóm tắt một số kết quả khảo sát nổi bật (nên trình bày theo bảng số liệu, đồ thị,...) trong giai đoạn 5 năm gần đây. ✓ Tóm tắt nội dung cải tiến chất	Mỗi loại khảo sát trình bày tối đa 01 trang. Cần đính kèm các mẫu phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và việc sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến. - Lưu ý, cần trình bày cho thấy rõ mục tiêu của mỗi hoạt động khảo sát, tính định kỳ của hoạt động.

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
		lượng dựa trên kết quả khảo sát.	
I	Executive summary of academic and support manpower plan (Tóm tắt kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ hỗ trợ)	- Tóm tắt kế hoạch phát triển đội ngũ GV, CBHT của khoa/ CSGD. Bản tóm tắt tập trung trình bày các thông tin chính như sau: ✓ Hiện trạng đội ngũ GV, CBHT. ✓ Kế hoạch, lộ trình phát triển đội ngũ GV, CBHT. ✓ Các chỉ số KPI trong kế hoạch phát triển đội ngũ GV, CBHT. ✓ Tóm tắt các giải pháp sẽ được triển khai và nguồn kinh phí cụ thể (nếu có) ✓ Đánh giá việc triển khai theo kế hoạch (trong vòng 5 năm gần nhất) và việc điều chỉnh kế hoạch (nếu	- Bản tóm tắt kế hoạch phát triển đội ngũ GV, CBHT của khoa/ CSGD, đính kèm các MC: báo cáo đánh giá hiện trạng, kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, các báo cáo đánh giá việc triển khai theo kế hoạch (trong vòng 5 năm gần nhất)... - Lưu ý: các thông tin liên quan đến hoạt động phát triển đội ngũ cần trình bày cả về số lượng và về trình độ/ bằng cấp. - Thông tin cần thể hiện được việc khoa/ CSGD có xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV,

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
		có).	CBHT (dài hạn, ngắn hạn – phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu); triển khai hoạt động theo kế hoạch; đánh giá việc đạt được kế hoạch đề ra.
m	Executive summary of training and development plan for academic and support staff <i>(Tóm tắt kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ hỗ trợ)</i>	- Kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ GV và CBHT của khoa/ CSGD. Bản tóm tắt kế hoạch cần tập trung trình bày các thông tin: ✓ Thông tin về hoạt động khảo sát nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực của đội ngũ GV và CBHT (mẫu phiếu, kết quả khảo sát, thời gian thực hiện,...). ✓ Kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ GV và CBHT (dài hạn, ngắn hạn).	- Bản tóm tắt kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ GV và CBHT của khoa/ CSGD, đính kèm các MC: MC về hoạt động khảo sát nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực; các MC về việc triển khai các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực; các báo cáo đánh giá việc triển khai theo kế hoạch (5 năm gần nhất)... - Lưu ý: các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo,

Mã checklist	Tên minh chứng	Thông tin cần cung cấp	Gợi ý hình thức trình bày
		✓ Các chỉ số liên quan đến kế hoạch nâng cao năng lực đội ngũ GV, CBHT; tập trung vào các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ GV: ▪ Số lượng/ tần suất các khóa học ▪ Số lượng cán bộ dự kiến được tham gia ✓ Tóm tắt các giải pháp sẽ được triển khai và nguồn kinh phí cụ thể (nếu có).	nâng cao năng lực đội ngũ GV và CBHT của khoa/ CSGD cần trình bày số liệu thống kê về số hoạt động triển khai, số người tham dự,... - Thông tin cần thể hiện được việc khoa/ CSGD có xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ GV và CBHT của Khoa/ CSGD (dài hạn, ngắn hạn – phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu, phù hợp với nhu cầu và đáp ứng yêu cầu công việc); triển khai hoạt động theo kế hoạch; đánh giá việc đạt được kế hoạch đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2019. *Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.*
2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. 2019. *Hướng dẫn triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA.* NXB ĐHQG-HCM.
3. Mạng lưới các Trường Đại học ASEAN. 2021. *Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng cấp chương trình theo tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 4.0,* Đại học Quốc gia TP HCM dịch. NXB ĐHQG-HCM.
4. Johnson Ong Chee Bin. 2016. *Tài liệu tập huấn đánh giá cấp cơ sở giáo dục theo AUN-QA.*
5. Johnson Ong Chee Bin. 2021. *Tài liệu tập huấn viết báo cáo tự đánh giá cấp CTĐT theo AUN-QA phiên bản 4.0.*
6. UNESCO. 2003. *Báo cáo “Higher Education in Asia and the Pacific 1988-2003”.*

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA PHIÊN BẢN 4.0

**Nguyễn Quốc Chính, Phạm Thị Bích
Nguyễn Thị Thanh Nhật, Nguyễn Tiến Công, Nguyễn Thị Lê Na**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phòng 501, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM, P. Linh Trung, TP Thủ Đức,
TP.HCM.

ĐT: 028 62726361

E-mail: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

Website: www.vnuhcmpress.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung

TS ĐỖ VĂN BIÊN

Biên tập

LÊ THỊ THU THẢO

Sửa bản in

PHAN KHÔI

Trình bày bìa

CÔNG TY TNHH MTV IN KINH TẾ

Đối tác liên kết

**TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
ĐHQG-HCM**

Xuất bản lần thứ 1. Số lượng in: 300 cuốn, khổ 16 x 24 cm. Số XNĐKXB: 2958-2023/CXBIPH/4-50/ĐHQGTPHCM. QĐXB số: 271/QĐ-NXB cấp ngày 21/11/2023. In tại: Công ty TNHH MTV In Kinh Tế. Địa chỉ: 279 Nguyễn Tri Phương, phường 5, quận 10, TP.HCM. Nộp lưu chiểu: Năm 2023. ISBN: **978-604-479-157-9**.

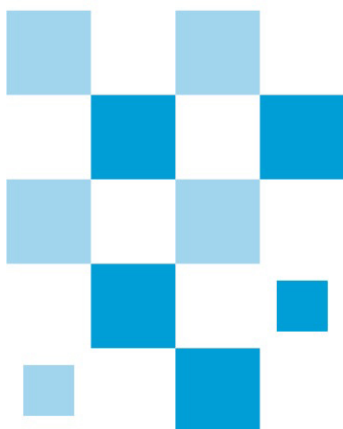
Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ bởi Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Nghiêm cấm mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phát tán nội dung khi chưa có sự đồng ý của tác giả và Nhà xuất bản.

ĐỂ CÓ SÁCH HAY, CẦN CHUNG TAY BẢO VỆ TÁC QUYỀN!

NGUYỄN QUỐC CHÍNH - PHẠM THỊ BÍCH
NGUYỄN THỊ THANH NHẬT
NGUYỄN TIẾN CÔNG - NGUYỄN THỊ LÊ NA

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

**TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA
PHIÊN BẢN 4.0**



ISBN: 978-604-479-157-9



SÁCH KHÔNG BÁN